VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1386/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3317/BC-HĐTĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 về Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 7193/CV-HĐTĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023, Công văn số 8572/UBND-TH ngày 26 tháng 10 năm 2023, Công văn số 9106/UBND-TH ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Cà Maucó tọa độ địa lý khoảng từ $8^0$30’ đến $9^0$34’ vĩ độ Bắc, $104^0$32’ đến $105^0$24’ kinh độ Đông và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch, kế hoạch liên quan. Bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định và phát triển.

b) Phát huy hợp lý, hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, cơ hội nổi trội, riêng biệt, lợi thế về biển, đảo làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau nhanh, bền vững và toàn diện, đưa Cà Mau sớm trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển, trung tâm năng lượng tái tạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng đến phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với các động lực tăng trưởng, trọng tâm là phát triển kinh tế biển, du lịch, các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế.

c) Cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thu hút có hiệu quả các dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp; sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực đầu tư, nhất là nguồn vốn đầu tư khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

d) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, lấy giá trị văn hóa, con người Cà Mau làm nền tảng phát triển bền vững; coi trọng đào tạo nguồn nhân lực, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai có hiệu quả 3 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn gắn với phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn, giảm nghèo bền vững; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản, văn hóa, lịch sử; phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần, vật chất cho người dân.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Cà Mau trở thành tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; có nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển; hệ sinh thái được bảo tồn, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 7,5%/năm. Quy mô GRDP năm 2030 gấp 2 - 2,5 lần so với năm 2020.

+ Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm khoảng 23%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 36,5%; dịch vụ chiếm khoảng 37%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 3,5%.

+ GRDP bình quân đầu người đạt trên 146 triệu đồng.

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 bình quân đạt khoảng 30 - 35% GRDP.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội giai đoạn 2021 - 2030 bình quân trên 7%/năm.

+ Thu ngân sách giai đoạn 2021 - 2030 bình quân tăng 12 - 15%/năm.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 36%.

+ Kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65%, trong đó tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%.

+ Số giường bệnh đạt 35 - 40 giường/vạn dân và 18 bác sỹ/vạn dân.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 0,5%/năm (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn).

+ Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới 90%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 50% (trong tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới); tỷ lệ số huyện đạt chuẩn nông thôn mới 70%.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt trên 27% (trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 18,5%).

+ Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 70%. Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom xử lý đạt 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

+ Có 70% tổng lượng nước thải đô thị thành phố Cà Mau, 40% - 50% nước thải các đô thị Sông Đốc, Năm Căn và khoảng 20% nước thải ở các đô thị còn lại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường.

+ Tỷ lệ nước thải từ các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%. Trên 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng giao thông. Các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V đồng bằng, 100% đường huyện được cứng hóa, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI đồng bằng.

Cơ bản hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, hoàn chỉnh các tuyến vận tải đường thủy kết nối. Phát triển hệ thống cảng biển đồng bộ, toàn diện, hiện đại. Nâng cấp cảng hàng không Cà Mau phù hợp với định hướng phát triển của ngành giao thông vận tải.

+ Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ cho khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch và các khu chức năng quan trọng khác.

+ Hạ tầng thông tin và truyền thông cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định và thịnh vượng; đổi mới căn bản và toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, bắt kịp các xu hướng phát triển kinh tế số, xã hội số trong một môi trường số an toàn, rộng khắp.

+ Phát triển kết cầu hạ tầng mạng lưới cấp điện bảo đảm sự phát triển cân đối, hài hòa, tính đồng bộ giữa phát triển nguồn và lưới điện. Phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng phù hợp với phát triển lưới điện, nguồn điện phục vụ xuất khẩu điện.

+ Chủ động kiểm soát nguồn nước, bảo đảm cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Kiểm soát mặn và các loại hình thiên tai khác (sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn). Nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, bảo đảm thích ứng với các tác động của thiên tai.

+ Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn hiện đại, chất thải rắn được phân loại tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng công nghệ tiên tiến và phù hợp.

- Về quốc phòng, an ninh:

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, chủ quyền biển, hải đảo; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Cà Mau là tỉnh kinh tế phát triển, xã hội văn minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; các giá trị văn hóa mang bản sắc của con người Cà Mau được giữ gìn và phát huy. Môi trường sinh thái, đa dạng sinh học được bảo vệ, bảo tồn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số phát triển đồng bộ, hiện đại. Chính trị, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Chủ động đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực phát triển kinh tế biển, trọng tâm là đầu tư Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn, Đề án xuất khẩu điện tỉnh Cà Mau (sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt), năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, du lịch, hạ tầng phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chuyển đổi số toàn diện.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Phát triển ngư, nông, lâm nghiệp

Phát triển ngư, nông, lâm nghiệp hiện đại, thông minh, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát

triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nông nghiệp sinh thái hữu cơ. Thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn; xây dựng và vận hành trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản góp phần đẩy mạnh sản xuất, chế biến, phát triển chuỗi giá trị về thủy sản.

Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển ngư, nông, lâm nghiệp theo 03 vùng: vùng Bắc Cà Mau, vùng Nam Cà Mau, vùng ven biển và hải đảo. Trong đó, giữ gìn và bảo vệ hệ sinh thái ngọt ở huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh.

b) Phát triển kinh tế biển

Xây dựng và phát triển tỉnh Cà Mau trở thành một trung tâm kinh tế biển của cả nước; đầu tư xây dựng Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn, Cảng sông Ông Đốc gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị ven biển; phát triển nuôi biển công nghệ cao, hiệu quả và bền vững; ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm biển.

Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; phát triển và quản lý bền vững kinh tế biển theo phương thức tổng hợp, quản trị biển dựa vào không gian, liên ngành với sự tham gia của các cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

c) Phát triển du lịch

Phát triển du lịch bền vữngtheo hướng chuyên nghiệp, hiện đại gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; liên kết và hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong vùng, cả nước và quốc tế. Phát huy lợi thế vị trí địa lý là tỉnh Địa đầu cực Nam của Tổ quốc; xây dựng, định vị và nâng cao thương hiệu du lịch Cà Mau "Địa đầu cực Nam - Khám phá - Môi trường - Kết nối", trong đó Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau trở thành một trong những trung tâm du lịch sinh thái, trải nghiệm rừng ngập mặn đặc sắc, điểm đến quan trọng trên các tuyến du lịch của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

d) Phát triển công nghiệp

Xây dựng Cà Mau trở thành trung tâm chế biến thủy sản và trung tâm năng lượng tái tạo của vùng đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm xuất khẩu năng lượng tái tạo của cả nước.

Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, đặc biệt thu hút đầu tư phát triển ngành

công nghiệp sản xuất khí Hydrogen (H_2), Amoniac (NH_3) tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp.

Phát triển công nghiệp hóa chất phù hợp với điều kiện của tỉnh như: phân bón, khí công nghiệp, hóa chất cơ bản.

đ) Phát triển dịch vụ

Phát triển các ngành dịch vụ, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; hình thành các dịch vụ của trung tâm đầu mối, trung tâm logistics, các loại hình dịch vụ phục vụ cho sản xuất, khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và xuất nhập khẩu.

Xây dựng ngành dịch vụ thương mại kết hợp truyền thống và hiện đại; phát triển các mô hình tổ chức thương mại theo từng thị trường, ngành hàng thích ứng với trình độ sản xuất, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng địa phương. Ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại điện tử; bảo đảm cung ứng đầy đủ vật tư, thiết bị, các dịch vụ cho sản xuất và tiêu dùng, ổn định thị trường hàng hóa trong tỉnh.

Mở rộng thị trường xuất khẩu các mặt hàng có tiềm năng, lợi thế phát triển, hướng tới xuất khẩu các mặt hàng chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao; đa dạng hóa thị trường và phương thức xuất, nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu hàng hóa xuất, nhập khẩu của tỉnh.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo

Phát triển giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, có trọng tâm, trọng điểm; giáo dục phổ thông là nền tảng, đào tạo nhân lực chất lượng cao là khâu đột phá.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; đa dạng hóa các loại hình giáo dục và đào tạo nhằm tăng nguồn lực, mở rộng quy mô, tăng cơ hội giáo dục cho mọi người; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

Đẩy mạnh tự chủ và xã hội hóa giáo dục; phân bố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa, phát huy những thành quả của mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, chất lượng cuộc sống và nguồn nhân lực.

Xây dựng hệ thống y tế hoàn chỉnh, đồng bộ, từng bước hiện đại từ cấp tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, chất lượng, hiệu quả; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng, y tế chuyên sâu đồng bộ và cân đối với y tế cộng đồng; gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

c) Văn hóa, thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh; huy động mọi nguồn lực phát triển văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực, khát vọng phát triển Cà Mau thịnh vượng; chủ động hợp tác, quảng bá hình ảnh và các giá trị văn hóa truyền thống, đặc sắc, tiêu biểu của vùng đất Cà Mau, góp phần quan trọng vào phát triển du lịch và kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các khu vực, các đối tượng chính sách và yếu thế trong xã hội; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các giá trị văn hóa phi vật thể độc đáo; đào tạo nguồn nhân lực đồng bộ, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa; đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, trang thiết bị phù hợp, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa.

Phát triển thể dục - thể thao bảo đảm hài hòa giữa các đối tượng, phù hợp với từng địa phương trong tỉnh; giữa phát triển thể dục - thể thao quần chúng với thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, thể thao giải trí đáp ứng nhu cầu hoạt động nâng cao sức khỏe, tinh thần của nhân dân, đóng góp cho sự phát triển của tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, thị trường kinh tế thể thao thông qua các hoạt động du lịch - thể thao - giải trí tạo điều kiện thu hút đầu tư và khách du lịch.

d) Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt đểnâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư phát

triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm, đột phá và chuyển đổi số.

Mở rộng, đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phát triển đô thị thông minh.

đ) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao, trong đó chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, năng lực sáng tạo, cạnh tranh và thích ứng với thị trường lao động.

Thực hiện hiệu quả các chính sách, giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm, ưu tiên hỗ trợ việc làm, tạo sinh kế, đào tạo nghề cho thanh niên lập nghiệp, lao động thuộc các xã vùng khó khăn, đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững. Triển khai hiệu quả các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực; đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

e) Quốc phòng - an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; giữ vững chủ quyền an ninh biển đảo; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mở rộng quan hệ hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) 03 vùng kinh tế và 05 cực tăng trưởng

- Vùng phát triển dịch vụ - đô thị - công nghiệp trung tâm (với cực tăng trưởng là thành phố Cà Mau): Là vùng có đô thị trung tâm của tỉnh; trung tâm hành chính, kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế của tỉnh; đầu mối phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho toàn tỉnh.

- Vùng phát triển đô thị - công nghiệp - kinh tế ngư, nông, lâm nghiệp ven biển Tây (với cực tăng trưởng là đô thị Sông Đốc): Là vùng nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá; vùng nông nghiệp ngọt - lợ luân phiên; vùng lâm nghiệp phát triển theo mô hình bền vững gắn với bảo tồn Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

- Vùng phát triển công nghiệp - đô thị - kinh tế ngư, nông, lâm nghiệp ven biển Đông (với các cực tăng trưởng là đô thị Năm Căn - Khu kinh tế Năm Căn, đô thị Tân Thuận và đô thị Đất Mũi - Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai): Là đầu mối lưu thông hàng hóa đường biển, dịch vụ logistics thông qua cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn; vùng nuôi trồng thủy sản, rừng sản xuất; vùng trọng điểm phát triển du lịch của tỉnh.

b) 02 hành lang kinh tế và các trục liên kết phát triển

Hình thành và phát triển 02 hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam và hướng Đông - Tây dựa trên các tuyến giao thông đường bộ cao tốc, đường bộ trục ngang, đường ven biển, kết nối cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với các đô thị, các trục liên kết phát triển và các cực tăng trưởng; kết nối với hành lang ven biển phía Nam của Tiểu vùng Mê Công mở rộng (Hành lang kinh tế Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau) góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam (thành phố Cà Mau - Cái Nước - Năm Căn - Đất Mũi): Là hành lang kinh tế động lực, quan trọng đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội, dựa trên liên kết các khu vực phát triển của tỉnh gồm: Thành phố Cà Mau, huyện Cái Nước, Khu kinh tế Năm Căn, Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau và kết nối cảng biển tổng hợp Hòn Khoai; là cơ sở phát triển mạng lưới giao thông kết nối phát triển hệ thống đô thị và các khu chức năng chính; là trục phát triển theo tuyến cao tốc Cần Thơ - thành phố Cà Mau - Năm Căn - Đất Mũi.

- Hành lang kinh tế Đông - Tây (Tân Thuận - Sông Đốc): Là hành lang kinh tế kết nối khu vực phía Đông và phía Tây của tỉnh thông qua tuyến đường trục Đông - Tây từ Tân Thuận kết nối với Sông Đốc, tạo động lực đầu tư kết cấu hạ tầng gắn kết thúc đẩy phát triển các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm du lịch, dịch vụ logistics, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế từ biển; phát triển các khu đô thị, điểm dân cư ven biển, hình thành chuỗi đô thị ven biển.

- Các trục liên kết phát triển, bao gồm: Trục quốc lộ 1, trục kinh tế - đô thị quốc lộ 63, trục kinh tế - đô thị biển, ven biển phía Nam kết nối thành phố Cà Mau với thành phố Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang) và các trục kinh tế biển, ven biển khác.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

Phát triển và phân bố hợp lý hệ thống đô thị bền vững, có kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh; hình thành chuỗi đô thị động lực, chuỗi đô thị ven biển kết nối với hệ thống đô thị của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Khi có đủ điều kiện theo quy định, phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Cà Mau có 29 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt 36%.

Định hướng phát triển một số đô thị trọng tâm như sau:

- Xây dựng thành phố Cà Mau trở thành trung tâm tổng hợp, chuyên ngành phát triển tương xứng với chức năng đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

- Thành lập thị xã Sông Đốc (đô thị loại III) là đô thị kinh tế biển và là đô thị động lực của tiểu vùng ven biển phía Tây, sinh thái và hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ kinh tế biển.

- Thành lập thị xã Năm Căn (đô thị loại III) là đô thị động lực của tiểu vùng ven biển phía Đông, mang bản sắc đặc thù sông nước và hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn kết phát triển với Khu kinh tế Năm Căn và là điểm dừng chân của trục thành phố Cà Mau - Đất Mũi trong các hoạt động kinh tế và du lịch.

- Thành lập thị trấn Tân Thuận (huyện Đầm Dơi) là đô thị loại IV, chuyên ngành về năng lượng, công nghiệp, thủy sản và logistics.

- Phát triển thị trấn Rạch Gốc (huyện Ngọc Hiển) là đô thị loại IV, trung tâm hành chính, kinh tế của huyện Ngọc Hiển, phát triển thương mại dịch vụ, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh. Ưu tiên sắp xếp các hộ dân ở khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai nguy hiểm, vùng đặc biệt khó khăn.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu kinh tế

Phát triển Khu kinh tế Năm Căn định hướng là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực; đầu mối giao thương hàng hải quốc tế của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc tế; động lực phát triển kinh tế của tiểu vùng phía Nam; trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái đặc trưng rừng ngập mặn; trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nuôi trồng, chế biến thủy sản của vùng, khu kinh tế ven biển, có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Phát triển khu công nghiệp theo mô hình "khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ" gắn với phát triển đô thị, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; phát triển, mở rộng các khu công nghiệp đã thành lập; thu hút đầu tư, xây dựng mới thêm một số khu công nghiệp khi tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu công nghiệp bảo đảm đủ điều kiện, đạt tiêu chuẩn theo quy định, thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đã thành lập.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

3. Phương án phát triển hệ thống cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp xung quanh các hành lang kinh tế, các vị trí kết nối giao thông thuận lợi, bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật, các dịch vụ phục vụ người lao động. Tập trung thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp theo hướng chọn lọc, có công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, đồng thời kết hợp xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng bên ngoài hàng rào cụm công nghiệp có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

4. Phương án phát triển khu du lịch

Đầu tư xây dựng, phát triển Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau gắn với bảo tồn đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, di sản văn hóa, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Phát triển du lịch theo 03 không gian du lịch gồm: Không gian du lịch phía Bắc (gồm thành phố Cà Mau, huyện Thới Bình và huyện U Minh); không gian du lịch theo trục Đông - Tây (gồm huyện Trần Văn Thời, huyện Cái Nước và huyện Đầm Dơi); không gian du lịch phía Nam (gồm huyện Phú Tân, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển).

5. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học các khu bảo tồn, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ và các khu vực cần được bảo quản, tu bổ.

Bảo quản, tu bổ, phục hồi và giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích đã được xếp hạng quốc gia, cấp tỉnh. Tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; tôn tạo, tu bổ và phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử, cách mạng, danh lam thắng cảnh.

6. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển ngư, nông, lâm nghiệp theo 3 vùng: vùng Bắc Cà Mau, vùng Nam Cà Mau và vùng ven biển và hải đảo.

Phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu, đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, hướng tới sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hình thành vùng nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp chế biến nông sản.

7. Phương án phát triển khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các chính sách khác có liên quan. Ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực phát triển.

8. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực

Các khu vực có vai trò động lực được xác định là các đô thị, Khu kinh tế Năm Căn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, dịch vụ thương mại, du lịch, các khu chức năng, thu hút các nguồn lực phát triển kinh tế tạo lan tỏa, tác động đến sản xuất của khu vực lân cận.

9. Phương án phát triển khu quân sự, khu an ninh

Các khu quân sự, an ninh bảo đảm tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Khu vực phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn: Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Hệ thống đường quốc gia trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng tuyến đường cao tốc từ thành phố Cà Mau đến Đất Mũi (khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- Hệ thống đường tỉnh: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 21 tuyến đường tỉnh quy mô tối thiểu đường cấp V - IV (trong đó có tuyến đường ven biển), gồm: 06 tuyến đường tỉnh giữ nguyên chiều dài tuyến, 09 tuyến đường tỉnh điều chỉnh chiều dài tuyến; nâng cấp 01 tuyến đường huyện lên đường tỉnh; quy hoạch mới 05 tuyến đường tỉnh.

- Hệ thống bến xe: Đầu tư xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp các bến xe hiện hữu đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách.

(Chi tiết tại Phụ lục V, VI)

b) Đường thủy nội địa

- Hệ thống đường thủy quốc gia trên địa bàn tỉnh: Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Các hành lang vận tải thủy quốc gia đi qua địa bàn tỉnh gồm 04 tuyến trục hiện hữu.

- Hệ thống đường thủy do tỉnh quản lý: Quy hoạch các luồng tuyến nhánh được hình thành trên cơ sở các tuyến sông, kênh do trung ương quản lý và các tuyến sông, kênh do tỉnh quản lý. Hệ thống đường thủy nội địa do tỉnh quản lý gồm 14 tuyến với quy mô cấp V trở lên.

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống cảng, bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân.

(Chi tiết tại Phụ lục VI, VII)

c) Cảng hàng không

Nâng cấp cảng hàng không Cà Mau đạt cấp 4C.

d) Cảng biển

Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cảng biển Cà Mau là cảng biển phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; trong đó ưu tiên thu hút đầu tư bến cảng Hòn Khoai.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, tiêu chí, luận chứng tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII).

a) Nguồn điện

- Ưu tiên phát triển hợp lý nguồn điện tại các vị trí có tiềm năng khi được cấp thẩm quyền chấp thuận; thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn, điện sinh khối không gây phát thải khí nhà kính, điện khí và các nguồn năng lượng mới, hướng tới xuất khẩu điện.

- Khuyến khích phát triển hệ thống điện mặt trời với hình thức tự sản, tự tiêu.

b) Đường dây và Trạm biến áp

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm, tuyến đường dây, công trình điện lực 500kV, 220kV, 110kV khi được cấp thẩm quyền chấp thuận để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giải phóng công suất cho các dự án năng lượng tái tạo, sản xuất hóa chất, xuất khẩu điện và sinh hoạt.

- Đầu tư xây dựng các lộ ra cho các trạm 110kV, tăng cường tiết diện và liên kết mạch vòng các tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110 kV và bảo đảm yêu cầu cung cấp điện ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trong tương lai, đặc biệt là các khu vực phụ tải là khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội khác. Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và bảo đảm chất lượng điện áp ở những khu vực bất lợi nhất. Những khu vực cải tạo lưới điện phù hợp với quy định của ngành về tiến trình tiêu chuẩn hóa lưới điện.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn. Thực hiện cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, kết hợp với cung cấp điện từ năng lượng tái tạo cho khu vực nông thôn, hải đảo.

c) Các dự án năng lượng

Đẩy mạnh mời gọi đầu tư các dự án nguồn điện, đường dây truyền tải, trạm thu gom chuyển đổi từ năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch, phù hợp với tiềm năng của tỉnh phục vụ cho sản xuất hydro, amoniac xanh và xuất khẩu sang các nước có nhu cầu khi được cấp thẩm quyền chấp thuận.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

Duy trì hoạt động hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng hiện tại; phát triển các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bảo đảm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Phát triển mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa, phục vụ tốt chuyển đổi số và quốc phòng - an ninh.

Ưu tiên phát triển trạm thu, phát sóng tại các khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các điểm du lịch. Phát triển hạ tầng mạng cáp viễn thông, thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông khu vực đô thị; xây dựng cột treo cáp viễn thông phù hợp với điều kiện từng khu vực.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Định hướng phân vùng sinh thái gồm 03 tiểu vùng: (i) Vùng sinh thái ngọt; (ii) Vùng sinh thái ngọt - lợ luân phiên; (iii) Vùng sinh thái mặn.

- Phân vùng thủy lợi thành 03 vùng với 33 tiểu vùng, bao gồm:

+ Vùng Bắc Cà Mau có 6 tiểu vùng và đầu tư các hạng mục: Nâng cấp hệ thống đê bao khép kín, kết hợp phát triển giao thông và bố trí dân cư; bổ sung hoàn chỉnh hệ thống cống khép kín các ô bao; bổ sung hệ thống trạm bơm (cấp nước, tiêu úng); hoàn thiện dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 2.

+ Vùng Nam Cà Mau có 17 tiểu vùng, bố trí hệ thống cống, đê bao khép kín để chủ động kiểm soát nguồn nước theo các tiểu vùng.

+ Vùng Năm Căn - Ngọc Hiển chia thành 10 tiểu vùng, để bảo đảm mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ sản xuất theo mô hình tôm rừng… xây dựng đê bao bảo vệ theo 10 tiểu vùng, xây dựng công trình kiểm soát nước phù hợp đối với khu dân cư và sản xuất thực tế.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Cấp nước ngọt: Tiểu vùng I, IV, V - Bắc Cà Mau được hưởng lợi của dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1. Tiểu vùng II, III - Bắc Cà Mau nguồn nước được lấy từ nước mưa và cấp bổ sung qua trạm bơm Tắc Thủ (thuộc dự án Cụm công trình Tắc Thủ và các cống ven biển Tây). Tiểu vùng VI - Bắc Cà Mau nguồn nước ngọt cho vùng được bổ sung từ kênh Chắc Băng. Các tiểu vùng Nam Cà Mau và Năm Căn - Ngọc Hiển, nước ngọt sẽ dùng chủ yếu qua nguồn nước mưa trữ được trong các tiểu vùng và bổ sung thêm một phần nước ngọt từ Hệ thống điều tiết, bổ sung nguồn nước cho các tiểu vùng I, II, III, IV - Nam Cà Mau sau khi được đầu tư.

Cấp nước mặn: Nạo vét, mở rộng các trục kênh cấp nước mặn, đầu tư thí điểm mô hình cấp nước mặn cách bờ biển khoảng 3 - 5 km, phục vụ mô hình nuôi tôm siêu thâm canh chất lượng cao.

- Mạng lưới cấp nước sinh hoạt: Nâng công suất các nhà máy nước hiện hữu, tăng cường hệ thống đường ống kết nối, đầu tư hồ chứa nước ngọt U Minh. Nghiên cứu xây dựng các tuyến ống truyền tải liên tỉnh cấp nước từ nhà máy nước vùng liên tỉnh.

6. Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

Toàn tỉnh chia làm 03 lưu vực thoát nước chính gồm:

- Lưu vực 1: Thành phố Cà Mau và huyện Thới Bình. Lưu vực này kết hợp thoát nước ra sông Trẹm (đô thị huyện Thới Bình); kênh xáng Quản Lộ - Phụng

Hiệp, kênh xáng Cà Mau - Bạc Liêu (đô thị thành phố Cà Mau) cùng thoát chung ra sông Gành Hào đổ ra biển Đông qua cửa Gành Hào (giáp tỉnh Bạc Liêu) và thoát chung ra sông Ông Đốc đổ ra biển Tây qua cửa sông Ông Đốc, huyện Trần Văn Thời.

- Lưu vực 2: Gồm các huyện U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Cái Nước. Lưu vực này nước thoát ra hệ thống các sông: Sông Trẹm, sông Cái Tàu, sông Ông Đốc và thoát ra biển Tây.

- Lưu vực 3: Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển. Lưu vực này nước thoát ra hệ thống các sông Đầm Dơi, sông Cửa Lớn, sông Bảy Háp, sông Rạch Gốc ra biển Đông và một phần ra biển Tây.

Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống nước thải riêng cho khu vực nội thị đối với các đô thị từ loại IV trở lên; xây dựng 2 - 3 trạm xử lý nước thải theo hình thức tập trung hoặc phi tập trung với công suất hợp lý tùy vào điều kiện của từng đô thị để xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường, đặc biệt là các lưu vực sông, ven biển. Ưu tiên thực hiện xử lý nước thải đối với các khu vực, lưu vực thuộc thành phố Cà Mau, đô thị Năm Căn, đô thị Sông Đốc.

- Việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải cần hình thành cả hai hình thức xử lý nước thải tập trung và xử lý nước thải phân tán tùy theo tính chất nước thải và điều kiện tự nhiên khu vực, có xem xét đến điều kiện quản lý.

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý các khu xử lý chất thải cấp tỉnh, khu xử lý, bãi rác tại các huyện, thành phố. Đầu tư công nghệ xử lý chất thải phù hợp, hiện đại.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

b) Phương án phát triển nghĩa trang

Định hướng xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung đô thị theo quy hoạch đô thị; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị. Cải tạo, mở rộng nghĩa trang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; di dời các nghĩa trang không bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

8. Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa Rạch Gốc (cấp vùng),

cửa Khánh Hội và cửa Bồ Đề; các bến cá Hòn Chuối, Cái Đôi Vàm, Rạch Tàu, Tân Thuận, Hố Gùi, Đá Bạc, Sông Đốc, Khánh Hội, Rạch Gốc, Cái Đôi Vàm.

Phát triển các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão tại khu vực Năm Căn, Hòn Khoai, Sông Đốc và các khu vực khác đủ điều kiện. Các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền được quy hoạch chung với một số cảng cá, hậu cần nghề cá của tỉnh.

9. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

Ưu tiên bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, sân bay, cảng biển, trạm dừng chân trên đường cao tốc và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ, bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện bảo đảm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đa dạng hóa dịch vụ y tế.

Đầu tư bệnh viện tuyến cuối của trung ương tại tỉnh Cà Mau (thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục

Rà soát, sắp xếp, phát triển mạng lưới trường, lớp phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, chuẩn hóa về cơ sở vật chất theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế.

Khuyến khích, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học

Mở rộng, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập; thành lập trường đại học, các trường nghề phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Thu hút đầu tư hình thành hệ thống giáo dục chuyên biệt.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa và liên hợp thể dục - thể thao hiện đại, đa chức năng đáp ứng các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các công trình thiết chế văn hóa, thể thao; trùng tu, tôn tạo các hạng mục công trình di tích đã được công nhận cấp quốc gia, cấp tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư xây dựng các thiết chế và tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Phát triển mạng lưới chợ: Phát triển chợ đầu mối nông sản tại các vùng sản xuất tập trung; xây dựng mới, thu hút đầu tư phát triển 01 chợ đầu mối thủy sản tại Sông Đốc; duy trì, cải tạo và nâng cấp, phát triển đối với 03 chợ hạng 1 hiện hữu.

- Thu hút đầu tư, xây dựng: Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm hội chợ triển lãm tại các trung tâm đô thị của tỉnh.

- Hệ thống kho, bãi hàng hóa, trung tâm logistics: Đầu tư xây dựng tại các khu vực cảng biển; phát triển theo các tuyến hành lang kinh tế và các đường giao thông kết nối giữa các vùng sản xuất tập trung với các tuyến giao thông huyết mạch chính của tỉnh đến các trung tâm kinh tế lớn.

- Hệ thống dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt:

+ Duy trì hệ thống: 05 kho dự trữ, cung ứng xăng dầu hiện có và nâng tổng sức chứa lên khoảng 10.000 m^3; 03 trạm nạp, chiết LPG, với quy mô sức chứa khoảng 8.000 tấn.

+ Phát triển mới hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng đáp ứng nhu cầu của địa phương.

- Phát triển hệ thống dịch vụ sạc điện trên địa bàn tỉnh phù hợp với hệ thống giao thông đã được quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa và mở rộng quy mô cơ sở điều dưỡng người có công, các cơ sở an sinh xã hội hiện có trên địa bàn tỉnh (bảo đảm đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tâm thần, người nghiện ma túy và các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp), duy trì các cơ sở ngoài công lập hiện có.

Huy động các nguồn lực để tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ. Phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

2. Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN

1. Vùng huyện Năm Căn

Là trung tâm kinh tế phía Nam, thuộc tiểu vùng kinh tế ven biển và một trong các đô thị động lực của tỉnh; định hướng đạt tiêu chí đô thị loại III khi có đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định, là thị xã thuộc tỉnh.

Là huyện có khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp kỹ thuật cao, du lịch sinh thái và các trung tâm logicstic của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Là đầu mối giao thương, vận tải hàng hải quốc gia và quốc tế của tỉnh, vùng đồng bằng sông Cửu Long thông qua Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, cảng sông Cửa Lớn gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2. Vùng huyện Trần Văn Thời

Là trung tâm kinh tế ven biển Tây, khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông thủy quốc gia thông với biển Tây; trung tâm huyện là cực phát triển đa năng, tổng hợp phía Tây kết nối vùng đô thị trung tâm thành phố Cà Mau; là vùng phát triển kinh tế biển và ven biển; vùng sản xuất lúa chất lượng cao của tỉnh.

Là huyện có tiềm năng phát triển về khai thác, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; các dịch vụ hậu cần nghề cá; bến thủy nội địa và các ngành nghề phụ trợ, ngành nghề truyền thống khác; phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, dịch vụ, logistics; công nghiệp năng lượng tái tạo; nông nghiệp chất lượng cao; du lịch.

3. Vùng huyện Cái Nước

Thuộc vùng liên huyện, khu vực trung tâm (nội địa) thuộc phân vùng phát triển dịch vụ - đô thị - công nghiệp của tỉnh Cà Mau; là cực phát triển kinh tế công nghiệp, đô thị, dịch vụ kết nối các đô thị động lực của tỉnh.

Là huyện phát triển sản xuất nông nghiệp, trồng cây đặc sản của địa phương, nuôi trồng thủy sản tập trung; phát triển du lịch miệt vườn, tham quan di tích lịch sử, phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch.

4. Vùng huyện Đầm Dơi:

Là huyện ven biển Đông, thuộc vùng kinh tế biển và ven biển phía Đông của tỉnh, vùng trọng điểm về nuôi trồng thủy sản của tỉnh. Là huyện có tiềm năng phát triển khai thác, đánh bắt thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, bến thủy nội địa và các ngành nghề phụ trợ, ngành nghề truyền thống khác; phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, dịch vụ, trung tâm logistics; phát triển năng lượng tái tạo; phát triển du lịch với các loại hình: du lịch sinh thái, du lịch biển, du lịch gắn với sản xuất làng nghề truyền thống, du lịch văn hóa - lịch sử.

5. Vùng huyện Phú Tân:

Là vùng phát triển kinh tế biển phía Tây của tỉnh, khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông thủy quốc gia với biển Tây. Là trung tâm đánh bắt, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá.

Phát triển các ngành nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, các ngành công nghiệp phụ trợ (nước đá, lưới...), các ngành nghề truyền thống; phát triển nguồn năng lượng tái tạo.

Phát triển chuỗi du lịch sinh thái Đầm Thị Tường gắn liền với di tích Căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Đước và Di tích Hải Yến - Bình Hưng; du lịch cộng đồng theo rừng ngập mặn ven biển.

6. Vùng huyện Ngọc Hiển

Là huyện cực Nam của đất nước, thuộc vùng kinh tế biển và ven biển của tỉnh Cà Mau, vùng trọng điểm về kinh tế thủy sản. Là huyện phát triển dịch vụ du lịch sinh thái trong môi trường rừng ngập mặn thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau và khai thác lâm sản thông qua đất rừng trồng; phát triển năng lượng tái tạo.

Cụm đảo Hòn Khoai được đánh giá là tiềm năng để xây dựng cảng trung chuyển thuộc nhóm cảng biển khu vực đồng bằng sông Cửu Long, có vị trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng.

7. Vùng huyện Thới Bình

Là khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông quan trọng phía Bắc tỉnh Cà Mau với các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu. Là một trong những khu vực canh tác nông nghiệp của tỉnh.

Là huyện có vị trí tiếp giáp với nhiều địa phương ngoài tỉnh, huyện Thới Bình đóng vai trò là địa phương cửa ngõ kết nối tỉnh Cà Mau với các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Là một trong những khu vực trồng lúa, hoa màu và nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

8. Vùng huyện U Minh

Là một trong những huyện thuộc vùng kinh tế biển và ven biển phía Tây; vùng trọng điểm du lịch phía Bắc của tỉnh, vùng sinh thái nông nghiệp, thủy sản, vùng bảo tồn, bảo vệ rừng, nguồn nước và đa dạng sinh học; cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông quan trọng với tỉnh Kiên Giang; khu vực phát triển công nghiệp trọng điểm của tỉnh gắn với khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm, Khu công nghiệp Khánh An.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: khu dân cư tập trung ở đô thị (nội thành, nội thị các đô thị loại I, loại II, loại III trên địa bàn tỉnh); phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, khu bảo tồn biển; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; khu vực bảo vệ I của các di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh; các vùng bảo vệ nghiêm ngặt khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt (khu vực ngoại thành, ngoại thị của các đô thị từ loại III trở lên, phân khu dịch vụ - hành chính và vùng đệm của các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, khu bảo tồn biển; khu vực bảo vệ II của các di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh; diện tích đất rừng phòng hộ ven biển); các vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định; khu dân cư tập trung nội thị của các đô thị loại IV, loại V; các hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; các vùng hạn chế phát thải khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Vùng khác: Các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh, nằm ngoài các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Quy hoạch, thành lập mới các khu bảo tồn: Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Thị Tường, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Sân chim Đầm Dơi, Khu bảo tồn biển tỉnh

Cà Mau; chuyển tiếp các đối tượng bảo tồn đã được thành lập: Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Khu Rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cụm đảo Hòn Khoai - Hòn Chuối, các vùng đất ngập nước quan trọng. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái; bảo vệ các loài hoang dã nguy cấp, bảo tồn đa dạng loài và nguồn gen; bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát có hiệu quả các loài ngoại lai xâm hại.

- Tạo sinh kế bền vững cho người dân sinh sống trong vùng đệm các khu bảo tồn. Nâng cao năng lực các ban quản lý khu bảo tồn, lực lượng kiểm lâm. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác bảo tồn và sử dụng bền vững thiên nhiên và đa dạng sinh học.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

- Từng bước xây dựng, hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới quan trắc môi trường địa phương. Đầu tư nguồn lực nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ và nhân lực nhằm nâng cao chất lượng công tác quan trắc tài nguyên và môi trường bảo đảm cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Số lượng điểm quan trắc, vị trí điểm quan trắc, thông số môi trường quan trắc do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường địa phương theo từng giai đoạn.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt trên 27% (trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 18,5%) đến năm 2030. Áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chứng nhận quản lý rừng bền vững, tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi các sản phẩm gỗ để nâng cao hiệu quả, giá trị kinh tế lâm nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng trong các khu bảo tồn; bảo tồn các hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, duy trì các diễn thế tự nhiên trên diện tích rừng đặc dụng. Bảo vệ, củng cố chức năng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và sử dụng bền vững diện tích rừng phòng hộ.

- Xây dựng công trình phá sóng, tạo bãi khôi phục rừng phòng hộ ven sông, ven biển. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện tốt công tác phòng cháy và chữa cháy rừng. Xúc tiến thực hiện các dự án di dời, bố trí lại dân cư vùng sạt lở vào khu vực an toàn.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở hạ tầng phục vụ phòng, chống cháy rừng đáp ứng nhu cầu bảo vệ và phát triển rừng.

- Kết hợp bảo vệ, phát triển rừng với phát triển dịch vụ du lịch; thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, cho thuê môi trường rừng; tích cực, chủ động tham gia thị trường các-bon.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Rà soát các khu vực khoáng sản trên địa bàn các huyện, thành phố nếu đủ điều kiện cấp phép thăm dò, khai thác thì bổ sung vào phương án thăm dò, khai thác khoáng sản khi có nhu cầu và phù hợp với quy định pháp luật. Tiếp tục thăm dò các điểm khoáng sản có triển vọng thuộc khu vực công bố khoáng sản của cấp có thẩm quyền.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước

- Nghiên cứu bổ sung các công trình tích trữ nước, điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước. Các khu tích, trữ nước bảo đảm các tiêu chí có không gian phù hợp, có khả năng dẫn nước đến các khu vực cần cấp nước, hiệu quả về kinh tế, không gây tù đọng, ô nhiễm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường xung quanh, ưu tiên tích trữ nước tại các khu vực khan hiếm nước ngọt.

- Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước tập trung, hiệu quả phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Xây dựng và duy trì mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước, thực hiện việc giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên sông, tầng chứa nước, ưu tiên cho vùng sinh thái lợ để giám sát sự dịch chuyển của ranh mặn.

- Tổ chức giám sát các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh; thực hiện các phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước theo quy định; chủ động đóng mở kênh trữ bảo đảm việc trữ nước, tránh ứ đọng gây ô nhiễm nguồn nước.

- Tổ chức đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các nguồn nước nội tỉnh, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thu gom, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông, phù hợp chức năng nguồn nước, bảo đảm chất lượng nước theo quy định; lập, điều chỉnh quy trình vận hành công trình khai thác, sử dụng nước, ban hành danh mục các hồ, ao không được san lấp trên địa bàn thuộc thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

b) Phương án phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; triển khai các biện pháp bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, các giải pháp phòng, chống úng, ngập đô thị, nông thôn theo quy định; thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Nâng cao năng lực, khả năng chống chịu thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng và của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng biến đổi khí hậu. Giảm thiểu rủi ro thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu gây ra, nhất là xâm nhập mặn, sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đầu tư cho hệ thống hạ tầng phòng chống thiên tai đi đôi với xây dựng các mô hình kinh tế mới thích ứng với biến đổi khí hậu tại các khu vực chịu tác động mạnh của thiên tai, biến đổi khí hậu vùng ven biển. Tiếp tục đầu tư xây dựng, củng cố, nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển, xây dựng kè chắn sóng để hạn chế xói lở bờ biển, bờ sông ở các khu vực nguy hiểm, xung yếu.

b) Phương án phát triển hệ thống đê điều

Đầu tư hoàn thiện hệ thống đê biển Đông, nâng cấp hệ thống đê biển Tây và các đoạn đê sông xung yếu, xây dựng các công trình bảo vệ bờ tại các vị trí sạt lở.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức đấu giá quỹ nhà, đất công để bổ sung nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Khai thác quỹ đất vùng phụ cận các hành lang kinh tế để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu ban hành quy định cơ chế huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực. Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động.

Chú trọng hơn nữa đào tạo các ngành nghề mới, tiềm năng, đầu tư cho các nhóm nghiên cứu sâu về các lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, số hóa, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học và sự tích hợp giữa chúng.

Tập trung nguồn lực xây dựng mở rộng các cơ sở đào tạo, dạy nghề chất lượng cao, tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên đối với các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học giữa các khu vực giáp ranh; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các nông sản, thủy sản chủ lực của tỉnh.

Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp và người dân vào xây dựng chính quyền; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực đề xuất cấp thẩm quyền ban hành để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển khu vực động lực và sự liên kết giữa khu vực động lực với các khu vực phụ trợ.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển đô thị và nông thôn để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền.

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai,

dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện chất lượng dịch vụ xã hội ở khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng sống; chăm lo đời sống tại các vùng nông thôn, giảm di dân, góp phần ổn định xã hội và giảm nghèo.

6. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

a) Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

b) Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật liên quan, bảo đảm đồng bộ.

c) Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch trong kế hoạch 5 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá tŕnh triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

XIII. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Hệ thống sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có trách nhiệm:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện quản lý Quy hoạch tỉnh; hướng dẫn, kiểm soát, phân công, phân cấp, điều phối bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong thực hiện và quản lý quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển tỉnh Cà Mau và quy định pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong trường hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục dự án dự kiến ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch có liên quan (nếu có). Đối với các dự án, công trình đang được rà soát theo Kết luận của thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) thì chỉ được triển khai, thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận của thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, thực tiễn phát triển tỉnh Cà Mau và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với các dự án dự kiến đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực, tổng hợp, báo cáo

cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định có liên quan.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, cơ sở dữ liệu, các Phụ lục (kèm theo Quyết định này), các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến tham gia góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan và hệ thống bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ cam kết nêu tại công văn số 8572/UBND-THngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của đất nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
			Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030	
1	Thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	II	I	
2	Huyện Năm Căn	Đô thị Năm Căn	IV	Đầu tư theo tiêu chí đô thị loại III, làm cơ sở nâng loại đô thị	Phấn đấu đầu tư theo đa số các tiêu chí đô thị loại III làm cơ sở nâng loại đô thị cho toàn bộ địa giới hành chính huyện (trở thành thị xã)
3		Đô thị Hàm Rồng	V	V	
4		Đô thị Hàng Vịnh		V	
5	Huyện Trần Văn Thời	Đô thị Sông Đốc	IV	Đầu tư theo tiêu chí đô thị loại III, làm cơ sở nâng loại đô thị	Phấn đấu đầu tư theo đa số các tiêu chí đô thị loại III làm cơ sở nâng loại đô thị cho toàn bộ địa giới hành chính huyện (trở thành thị xã)
6		Đô thị Trần Văn Thời	V	IV	
7		Đô thị Khánh Bình Tây	V	V	
8	Huyện Cái Nước	Đô thị Cái Nước	V	IV	
9		Đô thị Tân Hưng		V	

TT	Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
			Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030	
10		Đô thị Hưng Mỹ		V	
11		Đô thị Thạnh Phú		V	
12		Đô thị Phú Hưng		V	
13		Đô thị Trần Thới		V	
14	Huyện Phú Tân	Đô thị Cái Đôi Vàm	V	IV	
15		Đô thị Phú Tân		V	
16	Huyện Đầm Dơi	Đô thị Đầm Dơi	V	IV	
17		Đô thị Thanh Tùng		V	
18		Đô thị Nguyễn Huân		V	
19		Đô thị Quách Phẩm		V	
20		Đô thị Trần Phán		V	
21		Đô thị Tân Thuận		V*	
22	Huyện Thới Bình	Đô thị Trí Phải	V	V	
23		Đô thị Hồ Thị Kỷ		V	
24		Đô thị Thới Bình	V	V*	
25	Huyện U Minh	Đô thị Khánh Hội		V	
26		Đô thị Khánh An		V	
27		Đô thị U Minh	V	V*	
28	Huyện Ngọc Hiển	Đô thị Rạch Gốc	V	IV	
29		Đô thị Đất Mũi	V	V*	

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

V*: Đầu tư theo tiêu chí đô thị loại IV.

Phụ lục II

DANH MỤC KHU KINH TẾ

TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg

ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu kinh tế	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Khu Kinh tế Năm Căn	Huyện Năm Căn	10.801,95	Quyết định số 66/2010/QĐ-TTg ngày 27/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Ghi chú: Diện tích và phạm vi ranh giới khu kinh tế được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng.

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg

ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
A	**Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ**		**1.208,31**	
I	**Các khu công nghiệp đã thành lập**		**707,31**	
1	Khu công nghiệp Khánh An	Huyện U Minh	235,86	
2	Khu công nghiệp Hòa Trung	Huyện Cái Nước	326	
3	Khu công nghiệp Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời	145,45	
-	Khu công nghiệp Sông Đốc phía Nam	Huyện Trần Văn Thời	100	
-	Khu công nghiệp Sông Đốc phía Bắc	Huyện Trần Văn Thời	45,45	Điều chỉnh vị trí về phía Nam và thành lập mới
II	**Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**		**501**	
1	Khu công nghiệp Khánh An mở rộng (Khu công nghiệp Tắc Thủ)	Huyện U Minh	345	
2	Khu công nghiệp trong Khu Kinh tế Năm Căn	Trong Khu Kinh tế Năm Căn	156	

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
B	**Các khu công nghiệp tiềm năng mở rộng, thành lập mới trong trường hợp tỉnh Cà Mau được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**		**607**	
1	Khu công nghiệp trong Khu Kinh tế Năm Căn	Trong Khu Kinh tế Năm Căn	264	Mở rộng
2	Khu công nghiệp Tân Thuận	Huyện Đầm Dơi	343	Thành lập mới

Ghi chú: Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục IV

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		**1.025,83**	
I	**Các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động**		**79,15**	
1	Cụm công nghiệp Phường 8 và xã Lý Văn Lâm	Thành phố Cà Mau	50,00	
2	Cụm công nghiệp Hòa Thành, thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	29,15	
II	**Các cụm công nghiệp thành lập mới**		**946,68**	
1	Cụm công nghiệp Tân Thuận	Huyện Đầm Dơi	50,00	
2	Cụm công nghiệp Đầm Cùng	Huyện Cái Nước	50,00	
3	Cụm công nghiệp Quản lộ Phụng Hiệp	Thành phố Cà Mau	75,00	
4	Cụm công nghiệp thị trấn Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	75,00	
5	Cụm công nghiệp xã Hồ Thị Kỷ	Huyện Thới Bình	75,00	
6	Cụm công nghiệp Phú Tân	Huyện Phú Tân	70,00	
7	Cụm công nghiệp Làng nghề Phú Tân	Huyện Phú Tân	20,00	
8	Cụm công nghiệp Khánh Hội	Huyện U Minh	50,00	
9	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thị trấn Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển	75,00	
10	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Ngọc Hiển	Huyện Ngọc Hiển	18,23	
11	Cụm công nghiệp xã Thới Bình	Huyện Thới Bình	63,10	
12	Cụm công nghiệp thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	75,00	
13	Cụm công nghiệp Trí Phải	Huyện Thới Bình	25,35	
14	Cụm công nghiệp Đất Biển	Huyện Trần Văn Thời	75,00	
15	Cụm công nghiệp Vàm Xáng	Huyện Trần Văn Thời	50,00	
16	Cụm công nghiệp làng nghề Khánh Bình Tây	Huyện Trần Văn Thời	25,00	
17	Cụm công nghiệp Nguyễn Phích	Huyện U Minh	75,00	

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục V

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
A	**CAO TỐC, QUỐC LỘ**			
I	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.			
II	Xây dựng tuyến đường cao tốc từ thành phố Cà Mau đến Đất Mũi (triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)	Thành phố Cà Mau	Huyện Ngọc Hiển	4 làn xe
B	**ĐƯỜNG TỈNH**			
I	**Đường tỉnh giữ nguyên chiều dài tuyến**			
1	Đường ven biển	Cầu Gành Hào - Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Ranh U Minh, tỉnh Cà Mau - An Minh, tỉnh Kiên Giang	Cấp IV-ĐB
2	Đường tỉnh 983 (ĐT.983)	Quốc lộ 63 tại UBND xã Trí Phải	Đường 3/2 tại thị trấn Thới Bình	Cấp III-ĐB
3	Đường tỉnh 985B (ĐT.985B)	Giao với đường ĐT.984B Võ Văn Kiệt	Đường ven biển (cầu sông Ông Đốc)	Cấp III-ĐB
4	Đường tỉnh 985C (ĐT.985C)	ĐT.984B Võ Văn Kiệt	Đường ven biển (cống Đá Bạc)	Cấp IV-ĐB

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
5	Đường tỉnh 985D (ĐT.985D)	Quốc lộ 1 tại Km2267+800 (trước cầu Rau Dừa)	Đường ven biển (thị trấn Sông Đốc)	Cấp IV-ĐB
6	Đường tỉnh 986 (ĐT.986)	ĐT.988 (thị trấn Đầm Dơi)	Đường ven biển (thị trấn Cái Đôi Vàm)	Cấp IV-ĐB
II	**Đường tỉnh điều chỉnh chiều dài tuyến**			
1	Đường tỉnh 983B (ĐT.983B)	Ranh giới Bạc Liêu - Cà Mau	Đường ven biển (xã Khánh Hội, huyện U Minh)	Cấp III-ĐB
2	Đường tỉnh 984 (ĐT.984)	ĐT.985C (Cầu T13)	Đường ven biển (xã Khánh Hội, huyện U Minh)	Cấp IV-ĐB
3	Đường tỉnh 984B (ĐT.984B)	Quản Lộ - Phụng Hiệp	ĐT.984 (tại KCN Khí - điện - đạm)	Cấp III-ĐB
4	Đường tỉnh 984C (ĐT.984C)	Đường hành lang ven biển phía Nam	ĐT.984 (T13-U Minh - Khánh Hội)	Cấp V-ĐB
5	Đường tỉnh 984D (ĐT.984D)	Đường hành lang ven biển phía Nam	ĐT.984C	Cấp V-ĐB
6	Đường tỉnh 985 (ĐT.985)	ĐT.985B	ĐT.985D	Cấp IV-ĐB
7	Đường tỉnh 985F (ĐT.985F)	Giao với quốc lộ 1	Đường ven biển	Cấp IV-ĐB
8	Đường tỉnh 988 (ĐT.988)	Đường Hải Thượng Lãn Ông	ĐT.986 (Thị trấn Đầm Dơi)	Cấp IV-ĐB
9	Đường tỉnh 988B (ĐT.988B)	Giao với quốc lộ 1	UBND xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	Cấp IV-ĐB

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường, số làn xe)
III	**Nâng cấp từ đường huyện lên đường tỉnh**			
1	Đường tỉnh 986B (ĐT.986B)	Quốc lộ 1 (huyện Năm Căn)	ĐT.986 (huyện Phú Tân)	Cấp IV-ĐB
IV	**Đường tỉnh mở mới**			
1	Đường tỉnh 985E (ĐT.985E)	ĐT.985D	Đầm Thị Tường	Cấp III-ĐB
2	Đường tỉnh 983C (ĐT.983C)	Tuyến tránh quốc lộ 1	Sông Trèm Trẹm	Cấp III-ĐB
3	Đường tỉnh 990 (ĐT.990)	ĐT.988 (Thị trấn Đầm Dơi)	Thị trấn Năm Căn (huyện Năm Căn)	Cấp IV-ĐB
4	Đường tỉnh 987 (ĐT.987)	Tuyến tránh quốc lộ 1	Đường ven biển	Cấp IV-ĐB
5	Đường tỉnh 983D (ĐT.983D)	Quốc lộ 63 tại UBND xã Tân Phú	Ranh tỉnh Bạc Liêu	Cấp III-ĐB

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

Phụ lục VI

DANH MỤC DỰ KIẾN HỆ THỐNG CẢNG BIỂN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA, CẢNG CẠN, BẾN XE, TRẠM DỪNG NGHỈ TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CẢNG BIỂN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Cảng biển thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cảng thủy nội địa thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

B. CẢNG CẠN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Định hướng đến năm 2030		Địa điểm
			Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt HK/năm	
I	**Cảng cạn**				
1	Cảng cạn	Tổng hợp			Tỉnh Cà Mau
II	**Cảng hành khách**				
1	Cảng khách Năm Căn	Cấp II	100	2.000	Huyện Năm Căn
2	Cảng khách Đất Mũi	Cấp II	100	2.000	Huyện Ngọc Hiển
3	Cảng khách Hòn Khoai	Cấp II	100	2.000	Huyện Ngọc Hiển
4	Cảng khách Hòn Chuối	Cấp II	100	2.000	Huyện Trần Văn Thời
5	Cảng hành khách khác		100	2.000	Các huyện

C. CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH, TRÚ BÃO

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
1	Sông Ông Đốc (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp I	Huyện Trần Văn Thời
2	Cà Mau	Cấp II	Thành phố Cà Mau
3	Hòn Khoai (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão)	Cấp II	Huyện Ngọc Hiển
4	Rạch Gốc (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp II	Huyện Ngọc Hiển

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
5	Cái Đôi Vàm (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp II	Huyện Phú Tân
6	Hố Gùi (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Đầm Dơi
7	Khánh Hội (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp II	Huyện U Minh
8	Rạch Tàu (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Ngọc Hiển
9	Đá Bạc (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Trần Văn Thời
10	Bồ Đề (kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng)	Cấp III	Huyện Năm Căn

D. BẾN XE, TRẠM DỪNG NGHỈ

TT	Tên danh mục	Loại/cấp	Địa điểm
I	**Bến xe**		
1	Bến xe khách Cà Mau - Kiên Giang	Loại 4	Thành phố Cà Mau
2	Bến xe khách Quản Lộ - Phụng Hiệp	Loại 1	Thành phố Cà Mau
3	Bến xe khách Cà Mau	Loại 2	Thành phố Cà Mau
4	Bến xe khách Thới Bình	Loại 4	Huyện Thới Bình
5	Bến xe khách Khánh Hội	Loại 4	Huyện U Minh
6	Bến xe khách Sông Đốc	Loại 2	Huyện Trần Văn Thời
7	Bến xe khách Cái Nước	Loại 3	Huyện Cái Nước
8	Bến xe khách Cái Đôi Vàm	Loại 4	Huyện Phú Tân
9	Bến xe khách Đầm Dơi	Loại 4	Huyện Đầm Dơi
10	Bến xe - tàu khách Năm Căn	Loại 2	Huyện Năm Căn
11	Bến xe khách Ngọc Hiển	Loại 3	Huyện Ngọc Hiển
12	Bến xe khách Đất Mũi	Loại 3	Huyện Ngọc Hiển
13	Các bến xe khách khác		Các huyện, thành phố
II	**Trạm dừng nghỉ**		
1	Trạm dừng nghỉ phía Bắc thành phố Cà Mau		Thành phố Cà Mau
2	Trạm dừng nghỉ Năm Căn		Huyện Năm Căn
3	Trạm dừng nghỉ Đất Mũi		Huyện Ngọc Hiển
4	Trạm dừng nghỉ Rạch Gốc		Huyện Ngọc Hiển

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục VII

DANH MỤC DỰ KIẾN TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CẤP QUỐC GIA

Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

B. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

TT	Tên danh mục	Loại/ cấp	Điểm đầu - Điểm cuối	Địa điểm	Ghi chú
1	Sông Cái Tàu - Biện Nhị	IV	Ngã ba Cái Tàu - Cửa Khánh Hội	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
2	Kênh Thị Kẹo - Cái Đôi Vàm				Cải tạo, nâng cấp
2.1	Đoạn 1	IV	Ngã ba Phong Điền - Ngã ba Vàm Đình	Huyện Trần Văn Thời, Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
2.2	Đoạn 2	V	Ngã ba Vàm Đình - UBND xã Tân Hải	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
2.3	Đoạn 3	IV	UBND xã Tân Hải - Cửa Cái Đôi Vàm	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
3	Sông Bảy Háp	III	Ngã ba Đầm Cùng - Cửa Gò Công	Huyện Cái Nước, Năm Căn, Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
4	Sông Rạch Rập - Đầm Cùng				Cải tạo, nâng cấp
4.1	Đoạn 1	V	Ngã ba kênh Lương Thế Trân - thị trấn Cái Nước	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
4.2	Đoạn 2	IV	Thị trấn Cái Nước - Ngã ba Đầm Cùng	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
5	Sông Năm Căn - Rạch Tàu	IV	Năm Căn - Rạch Tàu	Huyện Năm Căn, Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp

TT	Tên danh mục	Loại/ cấp	Điểm đầu - Điểm cuối	Địa điểm	Ghi chú
6	Sông Rạch Gốc	III	Vàm Ông Định - Cửa Rạch Gốc	Huyện Năm Căn, Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp
7	Sông Đầm Dơi	III	Ngã ba Mương Điều - Cửa Hố Gùi	Huyện Đầm Dơi, Năm Căn	Cải tạo, nâng cấp
8	Sông Đầm Chim				Cải tạo, nâng cấp
8.1	Đoạn 1	IV	Ngã ba Tân Tiến - Ngã ba Trảng Tràm	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
8.2	Đoạn 2	IV	Ngã ba Vàm Đầm - Ngã ba Tam Giang	Huyện Đầm Dơi, Năm Căn	Cải tạo, nâng cấp
9	Kênh Xáng Huyện Sử	IV	Cầu Trí Phải - Ngã ba Chủ Trí	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
10	Sông Bến Dựa	III	Giáp sông Cửa Lớn - UBND xã Thanh Tùng	Huyện Năm Căn, Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
11	Kênh 17	IV	Đầu sông Ông Đơn (giáp sông Bến Dựa) - Ngã ba Tam Giang	Huyện Năm Căn, Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
12	Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp	V	Cống Cà Mau - Ngã ba sông Gành Hào	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
13	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau	V	Hạ lưu Trạm quản lý đường thủy nội địa Cà Mau 200 m - Ngã ba sông Gành Hào	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
14	Sông Gành Hào	V	Ngã ba kênh Lương Thế Trân - Cảng xếp dỡ phường 1 về phía thượng lưu 200 m	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục VIII
DANH MỤC DỰ KIẾN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC KHU VỰC CÓ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÁC NGUỒN ĐIỆN

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất (MW)		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
1	Khu vực điện gió Ngọc Hiển		275	Huyện Ngọc Hiển	
2	Khu vực điện gió Đầm Dơi		201	Huyện Đầm Dơi	
3	Khu vực điện gió Năm Căn		174	Huyện Năm Căn	
4	Khu vực điện gió Trần Văn Thời		50	Huyện Trần Văn Thời	
5	Nhiệt điện		11.150		
-	Khu vực điện khí Ngọc Hiển		450	Huyện Ngọc Hiển	
-	Khu vực điện khí U Minh		4.500	Huyện U Minh	
-	Khu vực điện khí Đầm Dơi		3.200	Huyện Đầm Dơi	
-	Khu vực điện khí Trần Văn Thời		3.000	Huyện Trần Văn Thời	
6	Điện mặt trời (tự sản, tự tiêu)				
-	Điện mặt trời mái nhà công trình xây dựng	111,579	126,579	Tỉnh Cà Mau	
-	Điện mặt trời mái nhà công trình xây dựng			Tỉnh Cà Mau	Không giới hạn công suất
-	Điện mặt trời không nối lưới để xuất khẩu điện		1.500 - 4.000	Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển	Đề án xuất khẩu điện, năng lượng mới tỉnh Cà Mau
-	Điện mặt trời kết hợp nuôi trồng thủy sản để sản xuất Hydro xanh, Amoniac xanh			Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển	Không giới hạn công suất

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất (MW)		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
-	Điện mặt trời Ngọc Hiển		60	Huyện Ngọc Hiển	
-	Điện mặt trời kết hợp kè giảm sóng		700	Huyện Phú Tân, Trần Văn Thời	
7	Điện rác				
-	Điện rác U Minh		6	Huyện U Minh	
-	Điện rác Năm Căn		6	Huyện Năm Căn	
-	Điện rác thành phố Cà Mau		4	Thành phố Cà Mau	
8	Điện sinh khối				
-	Điện sinh khối Khánh An (không đốt từ cây rừng)		24	Huyện U Minh	
9	Điện gió				
-	Khu vực điện gió không nối lưới để xuất khẩu điện		3.000 -7.000	Các huyện Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển	Đề án xuất khẩu điện, năng lượng mới tỉnh Cà Mau
-	Khu vực điện gió không nối lưới để sản xuất Hydro, Amoniac			Huyện Đầm Dơi, Huyện Ngọc Hiển	Không giới hạn công suất
-	Khu vực điện gió Đầm Dơi		1.050	Huyện Đầm Dơi	
-	Khu vực điện gió Năm Căn		300	Huyện Năm Căn	
-	Khu vực điện gió Ngọc Hiển		4.300	Huyện Ngọc Hiển	
-	Khu vực điện gió Rạch Gốc - Ngọc Hiển		100	Huyện Ngọc Hiển	
-	Khu vực điện gió Trần Văn Thời		1089	Huyện Trần Văn Thời	
-	Khu vực điện gió Phú Tân		423	Huyện Phú Tân	
-	Khu vực điện gió U Minh		700	Huyện U Minh	

B. ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN

I. Đường dây đã được xác định theo Quy hoạch

TT	Tên đường dây	Tiết diện (mm^2)		Số mạch	Chiều dài (km)
		Hiện tại	Xây dựng mới hoặc sau cải tạo		
	Đường dây 220 kV				**313,0**
*	**Xây dựng mới**				**313,0**
1	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 đến TBA 220kV Năm Căn		2*330	2	65,0
2	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 đến TBA 220kV NMĐG Cà Mau 1A		2*330	2	57,0
3	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Năm Căn đến TBA 220kV 220kV NMĐG Viên An		2*330	2	20,0
4	Đường dây 220kV nhánh rẽ đấu nối trạm 220kV Cà Mau 3 trên đường dây 220kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 đến trạm 220kV Năm Căn		2*330	2	26,0
	Đường dây 110 kV (theo yêu cầu phụ tải và đấu nối với các đường dây 220 kV)				
*	**Xây dựng mới**				
1	Đường dây xuất tuyến TBA 220kV Năm Căn đấu nối vào tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Ngọc Hiển -:- TBA 110kV Rạch Gốc (hiện có)		400	02	10,0
2	Đường dây xuất tuyến TBA 220kV Năm Căn đấu nối vào tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Ngọc Hiển -:- TBA 110kV NMĐG Tân Ân 1 (hiện có)		400	02	10,0
3	Đường dây TBA 220kV Năm Căn -:- TBA 110kV Rạch Gốc		400	02	18,0
4	Tuyến đường dây TBA 220kV Năm Căn -:- TBA 110kV Tân Hưng Tây		400	02	35,0

TT	Tên đường dây	Tiết diện (mm^2)		Số mạch	Chiều dài (km)
		Hiện tại	Xây dựng mới hoặc sau cải tạo		
5	Đường dây TBA 220kV Năm Căn -:- TBA 110kV Nguyễn Huân		2*400	02	40,0
6	Đường dây TBA 110kV Rạch Gốc -:- TBA 110kV Khai Long		400	01	35,0
7	Đường dây TBA 110kV Khai Long -:- TBA 110kV Đảo Hòn Khoai (vượt biển)		240	02	20,0
8	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Đầm Dơi -:- TBA 110kV nhà máy điện gió Tân Thuận đấu nối TBA 110kV Nguyễn Huân		400	02	25,0
9	Đường dây rẽ nhánh trên tuyến đường dây TBA 110kV nhà máy điện gió Tân Thuận -:- TBA 110kV Đông Hải đấu nối TBA 110kV Tân Thuận		240	02	5,0
10	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 -:- TBA 110kV Đầm Dơi đấu nối TBA 110kV KCN Hòa Trung		240	02	6,0
11	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Cà Mau -:- TBA 220kV Giá Rai 2 đấu nối TBA 110kV Định Bình		240	02	2,0
12	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV An Xuyên -:- TBA 110kV Hồng Dân (Bạc Liêu) đấu nối TBA 110kV Đông Bắc (đổi tên từ Cà Mau 3)		240	02	1,0
13	Đường dây TBA 110kV An Xuyên -:- TBA 110kV Thới Bình		400	01	17,0
14	Đường dây TBA 110kV Thới Bình -:- TBA 110kV Vĩnh Thuận (Kiên Giang)		400	01	13,0

TT	Tên đường dây	Tiết diện (mm^2)		Số mạch	Chiều dài (km)
		Hiện tại	Xây dựng mới hoặc sau cải tạo		
15	Đường dây TBA 220kV Cà Mau 2 -:- TBA 110kV U Minh		2*400	02	40,0
16	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV đấu nối TBA 110kV nhà máy điện gió Khánh Hội rẽ nhánh TBA 110kV Khánh Hội		400	02	2,0
17	Đường dây TBA 110kV Cà Mau 2 -:- TBA 110kV Trần Văn Thời (mạch 2)		400	01	25,0
18	Đường dây rẽ nhánh trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 220kV Cà Mau 2 -:- TBA 110kV Trần Văn Thời đấu nối TBA 110kV Khánh Bình Tây		240	02	25,0
19	Đường dây nhánh rẽ trên tuyến đường dây 110kV từ TBA 110kV Cái Nước -:- TBA 110kV Ngọc Hiển đấu nối TBA 110kV KCN Năm Căn		2*240	02	3,0
	Cải tạo, nâng tiết diện dây				
1	Phân pha lộ 171 TBA 220kV Cà Mau 2 - Lộ 172 TBA 110kV Khánh An		2*240	02	4,5
2	Phân pha Lộ 171 TBA 110kV Khánh An - Lộ 172 TBA 220kV Cà Mau		2*240	02	4,5
3	Nâng tiết diện dây tuyến đường dây lộ 173 TBA 110kV Đầm Dơi -:- Lộ 172 TBA 110kV NMĐG Tân Thuận		2*240	02	26,6
4	Nâng tiết diện dây tuyến đường dây lộ 171 TBA 110kV NMĐG Tân Thuận -:- Lộ 174 TBA 110kV Đông Hải		2*240	02	12,1
5	Phân pha lộ 171 TBA 110kV Thới Bình - Lộ 171 TBA 110kV An Xuyên		2*240	02	20,0

II. Đường dây dự kiến theo tiềm năng phát triển nguồn điện

TT	Tên đường dây	Cấp điện áp (kV)	Chiều dài (km)
	Đường dây 500 kV		
1	Đường dây 500kV gom công suất NLTT đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	500	100,0
2	Đường dây truyền tải DC xuất khẩu điện	Đến 500	Do nhà đầu tư đề xuất
3	Đường dây 500kV TBA 500kV Cà Mau -:-TBA 500kV Bạc Liêu	500	70,0
4	Đường dây 500kV TBA 500kV Cà Mau -:-TBA 500kV Ô Môn (giải phóng công suất TBKHH; NLTT	500	130,0
5	Đường dây 500kV TBA 500kV LNG Cà Mau 3 -:-TBA 500kV Bạc Liêu (giải phóng công suất TBKHH)	500	80,0
6	Đường dây 500kV TBA 500kV LNG Tân Thuận -:-TBA 500kV Bạc Liêu (giải phóng công suất TBKHH)	500	28,0
	Đường dây 220 kV		
1	Đường dây 220kV gom công suất NLTT đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	220	Do nhà đầu tư đề xuất
2	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Cà Mau 3 đến TBA 500kV Hòa Bình (Bạc Liêu)	220	70,0
3	Đường dây 220kV nhánh rẽ trên tuyến đường dây từ TBA 220kV Cà Mau 3 đến TBA 500kV Hòa Bình (Bạc Liêu) cấp điện cho TBA 220kV Cà Mau 6	220	15,0
4	Đường dây 220kV nhánh rẽ trên tuyến đường dây từ TBA 220kV Cà Mau 2 -:- TBA 220kV Năm Căn cấp điện cho TBA 220kV Cà Mau 4	220	30,0
5	Đường dây 220kV nhánh rẽ trên tuyến đường dây từ TBA 220kV Cà Mau 2 -:- TBA 220kV Năm Căn cấp điện cho TBA 220kV Cà Mau 5	220	25,0
6	Đường dây 220kV từ TBA 500kV Cà Mau đến đường dây 220kV TBA 220kV Cà Mau 2 -:- TBA 220kV Năm Căn	220	3,0
7	Đường dây 220kV từ TBA 220kV Ngọc Hiển đến TBA 220kV Cà Mau 3	220	3,0

C. CÁC TRẠM BIẾN ÁP

I. Các trạm biến áp

TT	Tên trạm	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)
	Trạm 220kV				
*	**Xây dựng mới**				
1	Trạm 220kV Năm Căn			220/110	250
2	Trạm 220kV Cà Mau 3			220/110	250 + 200
3	Trạm 220kV Cụm nhà máy điện gió Cà Mau 1			35/220	250
4	Trạm 220kV Nhà máy điện gió Viên An			35/220	250
*	**Mở rộng, nâng công suất**				
1	Trạm 220kV Năm Căn	220/110	250	220/110	2 x 250
	Trạm 110kV (đảm bảo nhu cầu phụ tải của tỉnh)				
*	**Xây dựng mới**				
1	TBA 110kV Thới Bình			110/22	40
2	TBA 110kV Định Bình			110/22	40
3	TBA 110kV Nguyễn Huân			110/22	40
4	TBA 110kV U Minh			110/22	40
5	TBA 110kV KCN Hòa Trung			110/22	63
6	TBA 110kV Khai Long			110/22	3x40
7	TBA 110kV Đảo Hòn Khoai			110/22	40
8	TBA 110kV Đông Bắc (đổi tên từ Cà Mau 3)			110/22	63
9	TBA 110kV KKT Năm Căn			110/22	2x40
10	TBA 110kV Khánh Bình Tây			110/22	40
11	TBA 110kV Khánh Hội			110/22	40+63
*	**Cải tạo, nâng công suất**				
1	TBA 110kV Đầm Dơi	110/22	25	110/22	40
2	TBA 110kV Thới Bình	110/22	40	110/22	2x40
3	TBA 110kV Sông Đốc	110/22	40	110/22	2x40
4	TBA 110kV Định Bình	110/22	40	110/22	2x40
5	TBA 110kV Cái Nước	110/22	40	110/22	2x40
6	TBA 110kV Tân Hưng Tây	110/22	40	110/22	2x40

II. Các trạm biến áp theo tiềm năng phát triển

TT	Tên trạm	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)
	Trạm 500kV				
*	**Xây dựng mới**				
1	Trạm chuyển đổi AC/DC xuất khẩu điện			110/220/500	Theo đề xuất NĐT
2	Trạm 500kV gom công suất năng lượng tái tạo lên đường dây truyền tải về trạm chuyển đổi xuất khẩu điện	Số lượng trạm biến áp, dung lượng và vị trí cụ thể do nhà đầu tư đề xuất			
3	Trạm 500kV Cà Mau			500/220	2x900
4	Trạm 500kV LNG Cà Mau 3			220/500	2x900
5	Trạm 500kV LNG Tân Thuận			220/500	900
	Trạm 220kV				
*	**Xây dựng mới**				
1	Trạm 220kV Ngọc Hiển (giải phóng công suất các nhà máy điện gió ngoài khơi)			22/35/220	4x250
2	Trạm 220kV Cà Mau 4 (gom năng lượng tái tạo)			35/110/220	2x250
3	Trạm 220kV Cà Mau 5 (gom năng lượng tái tạo)			35/110/220	2x250
4	Trạm 220kV Cà Mau 6			35/110/220	2x250
*	**Nâng công suất**				
1	Trạm 220kV Cà Mau 3	220/110	250+200	220/110	3x250+200
	Trạm 110kV				
1	TBA 110kV Năm Căn 1			110/22	2x40
2	TBA 110kV Cái Đôi Vàm			110/22	2x40
3	TBA 110kV Tân Thuận			110/22	63
4	TBA 110kV Cụm công nghiệp Hồ Thị Kỷ			110/22	63

D. CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG KHÍ

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
I	**Dự án năng lượng khí theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ**				
-	Kho LNG Tây Nam Bộ (FSRU/trên bờ; bao gồm đường ống từ kho LNG về bờ cấp khí cho các hộ tiêu thụ khí khu vực Cà Mau)		1 - 3 tỷ m^3/năm	Tỉnh Cà Mau	
-	Đường ống từ mỏ Nam Du, U Minh về đường ống PM3 - Cà Mau		0,5 tỷ m^3/năm (30 - 40 km)	Tỉnh Cà Mau	
-	Đường ống cấp bù khí PM3 - Cà Mau (từ KP209 của đường ống Lô B)		2,4 tỷ m^3/năm (dài 37 km)	Tỉnh Cà Mau	
-	Hệ thống đường ống từ nhà máy xử lý khí Cà Mau tới các hộ tiêu thụ lân cận		0,5 - 1 tỷ m^3/năm	Tỉnh Cà Mau	
-	Kho LNG cho các vị trí nhà máy điện tiềm năng, dự phòng cho các dự án nhà máy điện chậm tiến độ hoặc không thể triển khai (trong đó có khu vực tại Cà Mau)				Được thực hiện đồng bộ với nhà máy điện phù hợp với Quy hoạch Điện VIII
II	**Phát triển các dự án năng lượng khí tiềm năng**				
-	Kho LNG nổi FSRU + cảng nhập LNG		1,5 triệu/năm	Khu vực biển Tây tỉnh Cà Mau	
-	Đường ống dẫn khí từ kho LNG nổi FSRU đến nhà các máy điện Cà Mau		2 tỷ m^3/năm	Do nhà đầu tư đề xuất theo vị trí các kho	

TT	Hạng mục	Quy mô, công suất		Địa điểm	Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch		
-	Các nhà máy sản xuất Hydrogen, Amoniac + cảng xuất		60.000 tấn/năm	Huyện Đầm Dơi	Cảng xuất cho tàu 5.000 tấn
-	Các nhà máy sản xuất Hydrogen, Amoniac + cảng xuất		26.248 tấn/năm	Huyện Ngọc Hiển	Cảng xuất cho tàu 8.000 tấn

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phát triển nguồn điện, trạm biến áp, các tuyến đường dây và các dự án khí trên địa bàn tỉnh chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

- Đối với Danh mục các dự án nguồn điện, trạm biến áp, đường dây và các dự án khí tiềm năng được phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh có văn bản trình cấp thẩm quyền xem xét cho ý kiến chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

Phụ lục IX

DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH ĐÊ, KÈ, CỐNG, THỦY LỢI, CẤP NƯỚC, HỒ CHỨA, ĐÊ BAO ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
I	**Đê**		
1	Tuyến đê biển Đông tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn, huyện Ngọc Hiển	Dài khoảng 138km
2	Tuyến đê biển Tây từ Sông Đốc đến Cái Đôi Vàm	Huyện Trần Văn Thời, huyện Phú Tân	Chiều dài tuyến đê khoảng 23 km; đầu tư 03 cầu bắc ngang đê
3	Dự án đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh 5 và kè phòng chống sạt lở biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Đốc đến cửa Bảy Háp	Huyện Phú Tân, Huyện Trần Văn Thời	Chiều dài kè khoảng 11 km; chiều dài đê biển khoảng 19 km
4	Tuyến đê Sông Bảy Háp	Huyện Cái Nước, huyện Phú Tân	Chiều dài tuyến đê khoảng 25 km
5	Quản lý bảo vệ vùng ven biển Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Hệ thống đê biển, kè chống sạt lở tỉnh Cà Mau
6	Tiếp tục triển khai Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển	Địa bàn tỉnh Cà Mau	Hệ thống đê biển Tây tỉnh Cà Mau
7	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau" thuộc Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"	Huyện U Minh	Chiều dài kè khoảng 3,801 km; Chiều dài đê biển khoảng 9,917 km; Trồng rừng sau kè khoảng 20,55 ha

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
II	**Kè**		
1	Các kè phòng, chống sạt lở bờ biển	Các huyện ven biển	
1.1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở đoạn từ cửa biển Kiến Vàng đến cửa biển Vàm Lũng	Huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 5 km
1.2	Dự án đầu tư xây dựng kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây (giai đoạn 2)	Huyện Phú Tân, huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh	Chiều dài tuyến kè khoảng 22 km
1.3	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 43 km
1.4	Dự án xây dựng kè tạo bãi khôi phục rừng phòng hộ bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 15 km
1.5	Kè phòng, chống sạt lở bờ biển Tây đoạn từ Khánh Hội đến Cái Cám (kè giảm sóng)	Tỉnh Cà Mau	Chiều dài tuyến kè khoảng 12,53 km
1.6	Đoạn sạt lở bờ biển Đông từ cửa biển Kênh Năm Ô Rô đến cửa biển Vàm Xoáy	Huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 6,5 km
1.7	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển từ Hốc Năng đến Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 16,5 km
1.8	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển khu vực cửa Vàm Xoáy, Hố Gùi và đoạn Hố Gùi hướng về Bồ Đề	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 12,143 km
1.9	Các đoạn kè khu vực cửa biển tại ấp Lưu Hoa Thanh; khu vực cửa sông, ven biển Vàm Xoáy	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển	Chiều dài tuyến kè khoảng 1,55 km
2	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở khu vực chợ Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi	Đắp đập trên Sông Đầm Chim dài khoảng 110m; nạo vét Rạch Xóm Tắc khoảng 2.000 m; xây dựng kè dài khoảng 1.752 m

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
3	Các kè chống sạt lở bờ biển Tây	Các huyện ven biển	Bờ biển Tây
4	Các kè chống sạt lở bờ biển Đông	Các huyện ven biển	Bờ biển Đông
5	Các kè khắc phục sạt lở bờ sông	Tỉnh Cà Mau	
III	**Cống**		
1	Xây dựng các cống trên tuyến đê từ Kênh 5 - Cái Đôi Vàm (Cái Đôi Nhỏ, Rạch Dơi, Trời Đánh, Gò Công, Sáu Hậu, Ngã Tư, Rạch Mới, Kênh 90, Rạch Chèo)	Huyện Phú Tân	B=10 ÷ 15 m
2	Xây dựng Cống Trưởng Đạo, Khai Hoang	Huyện Đầm Dơi	B=20 ÷ 30 m
3	Xây dựng Cống Giáo Hổ	Huyện Cái Nước	B=10 ÷ 20 m
4	Xây dựng Cống Gành Hào	Huyện Đầm Dơi	B=400 m
5	Xây dựng Cống Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời	B=100 m
IV	**Hệ thống thủy lợi, cấp nước, hồ chứa, bờ bao**		
1	Xây dựng hệ thống trạm bơm tiểu vùng II, III - Bắc Cà Mau (Xây dựng 03 trạm bơm: TB Kênh T29, TB Kênh Đá Bạc, TB Kênh Rạch Lùm) và 17 trạm bơm thuộc các xã Khánh Bình Đông, Trần Hợi, Khánh Hưng, Khánh Hải)	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng 20 trạm bơm công suất từ 2.500 ÷ 20.000 m^3/h
2	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, IV, V - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh, Huyện Trần Văn Thời	+ Hệ thống đê bao; + Hệ thống cống, trạm bơm điều tiết nước; + Nạo vét hệ thống kênh nội đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
3	Cụm công trình Tắc Thủ và các công trình thủy lợi ven biển Tây	Huyện Thới Bình, thành phố Cà Mau	Cống âu thuyền Tắc Thủ: mở rộng cống, sửa chữa âu thuyền cũ và xây dựng thêm mới 01 âu thuyền. - Cụm công trình từ cống âu thuyền Tắc Thủ đến cống Cà Mau: (i) Sửa chữa 02 cống hiện có (gồm cống: Bạch Ngưu, Đường Xuồng); xây dựng mới 04 cống (gồm cống: Bến Gỗ, Nổng Kè Nhỏ, Nổng Kè Lớn, Cống Giồng Kè).
4	Xây dựng hồ chứa nước ngọt	Huyện U Minh	Dung tích hồ 3,7 triệu m^3
5	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XIV - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước	Xây dựng 01 Đê bao dài khoảng 9.500 m, 28 cống
6	Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau (giai đoạn 2)	Thành phố Cà Mau	13 cống
7	Xây dựng các hạng mục công trình khép kín tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh	Hệ thống đê bao; hệ thống cống
8	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XII - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước	Hệ thống đê: Tổng chiều dài khoảng 52 km; xây dựng 22 cống hở và 9 bọng
9	Duy tu sửa chữa bờ bao và nạo vét kênh mương (giai đoạn 1)	Các huyện và thành phố Cà Mau	Hệ thống kênh mương

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô/Chiều dài
10	Xây dựng hệ thống chuyển nước ngọt cho bán đảo Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Hệ thống thủy lợi phục vụ cho 201.545 ha
11	Cụm các công trình chuyển nước Bắc Cà Mau	Huyện Thới Bình và huyện U Minh	Trạm bơm Chắc Băng, Cống Sông Trẹm, 28 cống ven sông Trẹm, 30 cống ven Chắc Băng, cống âu Tắc Thủ + Trạm bơm

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục X

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu xử lý chất thải	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Cải tạo nâng cấp**		
1	Khu xử lý chất thải tại thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	23,21
II	**Xây dựng mới**		
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh	50
2	Khu xử lý chất thải rắn tập trung huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn	20 (quy hoạch mở rộng lên 40 ha)

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án; bảo đảm tuân thủ quy hoạch này và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục XI

DANH MỤC DỰ KIẾN NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng	Địa điểm
A	**Nghĩa trang vùng tỉnh xây dựng mới**	
1	Nghĩa trang vùng tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
B	**Cơ sở hỏa táng vùng tỉnh**	
I	**Nâng cấp, cải tạo**	
1	Cơ sở hỏa táng trong Nghĩa trang vùng tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
II	**Xây dựng mới**	
1	Cơ sở hỏa táng gắn với Nghĩa trang huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
2	Cơ sở hỏa táng tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
C	**Nhà tang lễ**	
I	**Nâng cấp, cải tạo**	
1	Nhà tang lễ thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
II	**Xây dựng mới**	
1	Xây dựng nhà tang lễ vùng tỉnh tại huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
2	Xây dựng nhà tang lễ vùng tỉnh tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời

Phụ lục XII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở y tế	Địa điểm dự kiến	Quy mô tối thiểu đến năm 2030 (giường bệnh)	Ghi chú
I	**Cơ sở y tế cấp tỉnh**			
1	Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	Thành phố Cà Mau	1.200	Xây dựng mới
2	Bệnh viện Mắt và Da liễu	Thành phố Cà Mau	150	Xây dựng mới
3	Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	Thành phố Cà Mau	400	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
4	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Cà Mau	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
5	Bệnh viện Sản Nhi Cà Mau	Thành phố Cà Mau	750	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
7	Trung tâm Giám định y khoa	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
8	Trung tâm Pháp y	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
9	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
10	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
II	**Cơ sở y tế ngành**			
1	Bệnh viện Quân dân y	Thành phố Cà Mau	130	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
2	Bệnh viện Công an	Thành phố Cà Mau	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
3	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	Thành phố Cà Mau	50	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình

TT	Tên cơ sở y tế	Địa điểm dự kiến	Quy mô tối thiểu đến năm 2030 (giường bệnh)	Ghi chú
III	**Cơ sở y tế cấp huyện/thành phố**			
1	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	200	Xây dựng mới
2	Trung tâm y tế thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau		Xây dựng mới
3	Bệnh viện Đa khoa Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	300	Xây dựng mới
4	Trung tâm Y tế huyện Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi		Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
5	Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời	300	Xây dựng mới
6	Trung tâm Y tế huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời		Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
7	Trung tâm y tế huyện Cái Nước	Huyện Cái Nước		Xây dựng mới
8	Bệnh viện Đa khoa Cái Nước	Huyện Cái Nước	500	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
9	Trung tâm y tế huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn		Xây dựng mới
10	Bệnh viện Đa khoa Năm Căn	Huyện Năm Căn	300	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
11	Trung tâm Y tế huyện U Minh	Huyện U Minh	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
12	Trung tâm Y tế huyện Thới Bình	Huyện Thới Bình	200	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
13	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hiển	Huyện Ngọc Hiển	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình
14	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	Huyện Phú Tân	150	Xây dựng, mở rộng hạng mục công trình

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XIII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm
I	**Khối các Trường Cao đẳng**	**3**	
1	Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	1	Thành phố Cà Mau
2	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	1	Thành phố Cà Mau
3	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	1	Thành phố Cà Mau
II	**Khối Trung học phổ thông (THPT và liên cấp với THCS)**	**42**	
1	Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh	1	Thành phố Cà Mau
2	Trường THPT Nguyễn Việt Khái	1	Thành phố Cà Mau
3	Trường THCS & THPT Lý Văn Lâm	1	Thành phố Cà Mau
4	Trường THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển	1	Thành phố Cà Mau
5	Trường THPT Tắc Vân	1	Thành phố Cà Mau
6	Trường THPT Cà Mau	1	Thành phố Cà Mau
7	Trường THCS & THPT Hồ Thị Kỷ	1	Thành phố Cà Mau
8	Trường THPT Phú Hưng	1	Huyện Cái Nước
9	Trường THPT Cái Nước	1	Huyện Cái Nước
10	Trường THPT Tân Đức	1	Huyện Đầm Dơi
11	Trường THPT Đầm Dơi	1	Huyện Đầm Dơi
12	Trường THPT Thái Thanh Hòa	1	Huyện Đầm Dơi
13	Trường THCS & THPT Nguyễn Huân	1	Huyện Đầm Dơi
14	Trường THPT Quách Văn Phẩm	1	Huyện Đầm Dơi
15	Trường THPT Phan Ngọc Hiển	1	Huyện Năm Căn
16	Trường THCS & THPT Viên An	1	Huyện Ngọc Hiển
17	Trường THPT Ngọc Hiển	1	Huyện Ngọc Hiển
18	Trường THPT Phú Tân	1	Huyện Phú Tân
19	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1	Huyện Phú Tân
20	Trường THCS & THPT Vàm Đình	1	Huyện Phú Tân
21	Trường THCS & THPT Tân Lộc	1	Huyện Thới Bình
22	Trường THCS&THPT Tân Bằng	1	Huyện Thới Bình

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm
23	Trường THPT Thới Bình	1	Huyện Thới Bình
24	Trường THPT Nguyễn Văn Nguyễn	1	Huyện Thới Bình
25	Trường THPT Khánh Hưng	1	Huyện Trần Văn Thời
26	Trường THPT Huỳnh Phi Hùng	1	Huyện Trần Văn Thời
27	Trường PT DTNT THCS Danh Thị Tươi	1	Huyện Trần Văn Thời
28	Trường THPT Trần Văn Thời	1	Huyện Trần Văn Thời
29	Trường THPT Võ Thị Hồng	1	Huyện Trần Văn Thời
30	Trường THPT Sông Đốc	1	Huyện Trần Văn Thời
31	Trường THPT U Minh	1	Huyện U Minh
32	Trường THPT Khánh Lâm	1	Huyện U Minh
33	Trường THCS & THPT Khánh An	1	Huyện U Minh
34	Trường THPT (THPT và liên cấp với THCS)	9	Các huyện, thành phố

Ghi chú:

- Từ viết tắt: THCS: Trung học cơ sở; THPT: Trung học phổ thông.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XIV

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở	Địa điểm
1	**Cơ sở duy trì hoạt động**	**6**	
-	Phân hiệu Trường Đại học Bình Dương	1	Thành phố Cà Mau
-	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	1	Thành phố Cà Mau
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập	2	Huyện Năm Căn và huyện Trần Văn Thời
-	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	1	Thành phố Cà Mau
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1	Thành phố Cà Mau
2	**Xây dựng mới**	**4**	
-	Trường Đại học	1	Thành phố Cà Mau
-	Trường Cao đẳng nghề	1	Thành phố Cà Mau
-	Trường Trung cấp nghề	1	Thành phố Cà Mau
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	1	Thành phố Cà Mau

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XV

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

TT	Tên thiết chế văn hóa	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	**DI TÍCH**		
1	**Di tích cấp quốc gia đặc biệt**		
	Di tích Bến Vàm Lũng - thuộc tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển	Huyện Ngọc Hiển	Xây dựng mới
2	**Di tích cấp quốc gia**		
2.1	Đảo Hòn Khoai gồm: Khu vực Hải Đăng, Bãi lớn, Bãi nhỏ	Huyện Ngọc Hiển	Xây dựng mới
2.2	Đình Tân Hưng	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.3	Hồng Anh Thư Quán	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.4	Chùa Phật Tổ (Quan Âm Cổ Tự)	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.5	Địa điểm chứng tích tội ác Mỹ - Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
2.6	Hòn Đá Bạc - Trung tâm chỉ huy Kế hoạch phản gián CM12(09/9/1981-09/9/1984)	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
2.7	Các địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau	29 điểm tại các huyện Thới Bình, Cái Nước, Đầm Dơi, U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Năm Căn	Xây dựng mới
2.8	Nhà Dây Thép	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2.9	Địa điểm chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là	Huyện Đầm Dơi	Xây dựng mới
2.10	Chùa Cao Dân	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
2.11	Làng rừng Vồ Dơi	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng mới
3	**Di tích cấp tỉnh**		
3.1	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Ngọc Hiển)	Huyện Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp

TT	Tên thiết chế văn hóa	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
3.2	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Thới Bình)	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.3	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Cái Nước)	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3.4	Căn cứ Tỉnh ủy tại Lung Lá Nhà Thể	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3.5	Căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Đước	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
3.6	Đình Thần Thới Bình	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.7	Tòa Thánh Ngọc Sắc	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.8	Đình Thần Tân Thành	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.9	Đền Thờ Vua Hùng	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.10	Địa điểm trận chiến thắng Mương Điều	Huyện Đầm Dơi	Xây dựng mới
3.11	Đền thờ 10 Anh hùng liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.12	Khu lưu niệm Nghệ nhân dân gian Nguyễn Long Phi (Bác Ba Phi)	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
3.13	Địa điểm trận chiến thắng Bến Dựa	Huyện Năm Căn	Xây dựng mới
3.14	Địa điểm trận thảm sát của Mỹ - Ngụy tại lung Máng Diệc	Huyện Thới Bình	Xây dựng mới
3.15	Khu Căn cứ Tỉnh đội Cà Mau ở Xẻo Trê (1964-1973)	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3.16	Địa điểm Cây me Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển	Xây dựng mới
3.17	Địa điểm trận đánh Ty cảnh sát Quốc gia An Xuyên của hai nữ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Hồ Thị Kỷ và Huỳnh Thị Kim Liên	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
3.18	Khu tưởng niệm hai lãnh đạo nghĩa quân Đỗ Thừa Luông và Đỗ Thừa Tự	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.19	Nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
3.20	Địa điểm trận thảm sát của thực dân Pháp tại kênh Cái Sắn	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.21	Địa điểm trận đánh tàu trên sông Tam Giang tại vàm rạch Chủ Mưu năm 1970	Huyện Năm Căn	Xây dựng mới
3.22	Đình Thần Phú Mỹ	Huyện Phú Tân	Cải tạo, nâng cấp
3.23	Địa điểm trận chiến thắng Bàu Thúi	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.24	Miếu Thần Minh	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.25	Đình thần Tân Lộc	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp

TT	Tên thiết chế văn hóa	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
3.26	Địa điểm trận chiến thắng Đòn Dong - Tân Quảng	Huyện Phú Tân	Xây dựng mới
3.27	Lăng Ông Nam Hải - Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
3.28	Địa điểm chiến thắng Đặc khu Khai Hoang	Huyện U Minh	Xây dựng mới
3.29	Địa điểm trận thảm sát của Mỹ - Nguỵ tại đồng Bàu Hang	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
3.30	Chùa Tam Hiệp	Huyện Trần Văn Thời	Cải tạo, nâng cấp
3.31	Đình thần Phong Lạc	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng mới
3.32	Miếu bà Thủy Long (Thủy Long Cung Thần Nữ)	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
3.33	Đình thần Tân Xuyên	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.34	Đình thần Tân Nghĩa	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
3.35	Chùa Rạch Giồng	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.36	Khu tưởng niệm Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Việt Khái	Huyện Ngọc Hiển	Cải tạo, nâng cấp
3.37	Đình Thần Tân Bằng	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.38	Đình Thần Tân Trạch	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
3.39	Chùa Đầu Nai	Huyện Thới Bình	Cải tạo, nâng cấp
II	**THIẾT CHẾ VĂN HÓA - THỂ THAO CẤP TỈNH**		
1	Tượng đài kỷ niệm chuyến tàu tập kết ra Bắc năm 1954	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng mới
2	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
3	Trung tâm Văn hóa - nghệ thuật tỉnh (hoặc Nhà hát Hương Tràm)	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
4	Thư viện tỉnh	Thành phố Cà Mau	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa

B. CÁC CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO

TT	Tên cơ sở thể dục thể thao	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Nhà thi đấu đa năng	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
2	Khu huấn luyện và đào tạo	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
3	Khu dịch vụ văn hóa, thể thao	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
4	Khu thể thao dưới nước	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới

TT	Tên cơ sở thể dục thể thao	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
5	Sân bóng đá	Thành phố Cà Mau	Xây dựng mới
6	Khu huấn luyện võ thuật, quân sự thể thao	Huyện Đầm Dơi	Xây dựng mới
7	Khu liên hợp thể thao cấp tỉnh	Huyện Năm Căn, huyện Phú Tân	Xây dựng mới
8	Trung tâm văn hóa và liên hợp thể dục thể thao	Huyện U Minh	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XVI

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CHỢ ĐẦU MỐI (HẠNG I) TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên chợ	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Chợ Phường 7	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2	Chợ thị trấn Cái Nước	Huyện Cái Nước	Cải tạo, nâng cấp
3	Chợ thị trấn Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi	Cải tạo, nâng cấp
4	Chợ đầu mối thủy sản	Huyện Trần Văn Thời	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án theo quy định.

Phụ lục XVII

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	**Lĩnh vực người có công**		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Xây dựng mới
II	**Lĩnh vực bảo trợ xã hội**		
1	Làng trẻ em SOS Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
2	Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
3	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh	Cải tạo, nâng cấp
4	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
5	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Cải tạo, nâng cấp
6	Cụm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau (Gồm Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Cơ sở cai nghiện ma túy)	Huyện U Minh	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XVIII

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha.

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	**TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN**		**527.451,13**	**100,00**	**527.451,13**	**100,00**	
1	**Đất nông nghiệp**	NNP	**464.105,15**	**87,99**	**458.543,13**	**86,94**	**-5.562,02**
	Trong đó						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	95.549,40	18,12	85.024,00	16,12	-10.525,40
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	38.782,78	7,35	43.180,00	8,19	4.397,22
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	42.408,36	8,04	40.827,26	7,74	-1.581,10
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	31.907,10	6,05	30.753	5,83	-1.154,10
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	20.099,86	3,81	20.291	3,85	191,14
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	91.675,74	17,38	91.555	17,36	-120,74
1.6	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN					
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**51.474,19**	**9,76**	**65.346,00**	**12,39**	**13.871,81**
	Trong đó						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2.164,04	0,41	6.527,00	1,24	4.362,96
2.2	Đất an ninh	CAN	2.813,84	0,53	2.559,93	0,49	-253,91
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	424,50	0,08	1.208,31	0,23	783,81
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			1.025,83	0,19	1.025,83
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	421,66	0,08	1.035,10	0,20	613,44
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	226,07	0,04	389,27	0,07	163,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	12.513,12	2,37	17.597,00	3,34	5.083,88

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Trong đó						
-	Đất giao thông	DGT	8.060,36	1,53	11.050,00	2,09	2.989,64
-	Đất thuỷ lợi	DTL	3.150,14	0,60	4.119,28	0,78	969,14
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	122,93	0,02	235,12	0,04	112,19
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	78,09	0,01	130,00	0,02	51,91
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	487,50	0,09	729,85	0,14	242,35
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	45,54	0,01	129,00	0,02	83,46
-	Đất công trình năng lượng	DNL	512,28	0,10	1.065,00	0,20	552,72
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	17,48	0,00	22,00	0,00	4,52
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	43,65	0,01	90,00	0,02	46,35
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	61,92	0,01	154,00	0,03	92,08
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	101,37	0,02	139,54	0,03	38,17
2.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	198,47	0,04	345,65	0,07	147,18
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	5.247,57	0,99	6.515,10	1,24	1.267,53
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	1.486,28	0,28	2.931,51	0,56	1.445,23
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	204,98	0,04	298,06	0,06	93,08
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	44,80	0,01	50,17	0,01	5,36
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN					
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**11.871,79**	**2,25**	**3.562,00**	**0,68**	**-8.309,79**

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
II	**KHU CHỨC NĂNG**	**KDT**					
1	Đất khu kinh tế	KKT	10.801,95		10.801,95		
2	Đất đô thị	KDT	29.304,15		37.715,00		8.410,85
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	38.782,78		43.180,00		4.397,22
4	Khu lâm nghiệp	KLN	143.682,70		142.599,00		-1.083,70
5	Khu du lịch	KDL	2.745,41		4.589,30		1.843,89
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	25.210,09		25.220,09		10,00
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	424,50		2.234,14		1.809,64
8	Khu đô thị	DTC	5.521,74		7.526,73		2.004,99
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	1.647,88		3.945,90		2.298,02
10	Khu dân cư nông thôn	DNT	21.730,06		21.822,40		92,35

(*) Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

Phụ lục XIX

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu bảo tồn	Phân loại	Địa điểm	Quy mô dự kiến (ha)	Ghi chú
1	Mũi Cà Mau	Vườn quốc gia	Các huyện: Ngọc Hiển, Năm Căn, Phú Tân	37.380	Đã thành lập, chuyển tiếp
2	U Minh Hạ	Vườn quốc gia	Các huyện: U Minh, Trần Văn Thời	8.527,8	Đã thành lập, chuyển tiếp
3	Đầm Thị Tường	Khu dự trữ thiên nhiên	Các huyện: Trần Văn Thời, Phú Tân, Cái Nước	700	Thành lập mới
4	Sân Chim Đầm Dơi	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh	Huyện Đầm Dơi	127	Thành lập mới
5	Khu Rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cụm đảo Hòn Khoai - Hòn Chuối (Rừng cảnh quan trên cụm đảo Hòn Khoai)	Khu bảo vệ cảnh quan	Các huyện: Năm Căn, Trần Văn Thời	528,7	Đã thành lập, chuyển tiếp
6	Khu bảo tồn biển tỉnh Cà Mau	Khu bảo vệ cảnh quan	Các huyện: Năm Căn, Phú Tân, Trần Văn Thời	9.000	Thành lập mới

Ghi chú: Diện tích các khu bảo tồn được xác định cụ thể trong quá trình thành lập.

Phụ lục XX

ĐỊNH HƯỚNG PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sông	Vị trí dự kiến		Chức năng nguồn nước
		Điểm đầu	Điểm cuối	
1	Sông Ông Đốc			
1.1	Đoạn từ ranh giới tỉnh Kiên Giang - Cà Mau đến trước khi sông Cái Tàu đổ vào	Ranh tỉnh Kiên Giang	Huyện U Minh	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
1.2	Đoạn 3: từ sau khi sông Cái Tàu đổ vào đến trước khi đổ ra Biển Đông	Huyện U Minh	Huyện Trần Văn Thời	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Sử dụng cho giao thông thủy
2	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu			
2.1	Đoạn 1: từ điểm phân lưu sông Gành Hào đến ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu	Thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Sử dụng cho giao thông thủy
2.2	Đoạn 2: từ ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu đến Tắc Vân, TP Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Cấp nước cho sản xuất công nghiệp 3. Sử dụng cho giao thông thủy
3	Sông Gành Hào			
3.1	Đoạn 1: từ điểm phân nước sông Ông Đốc đến ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu	Huyện U Minh	Thành phố Cà Mau	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Sử dụng cho giao thông thủy
3.2	Đoạn 2: từ ranh giới tỉnh Cà Mau - Bạc Liêu đến trước khi đổ ra biển	Thành phố Cà Mau	Huyện Đầm Dơi	1. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp 2. Cấp nước cho sản xuất công nghiệp 3. Sử dụng cho giao thông thủy

TT	Tên sông	Vị trí dự kiến		Chức năng nguồn nước
		Điểm đầu	Điểm cuối	
4	Sông Cái Tàu			
	Toàn tuyến sông Cái Tàu	Huyện U Minh	Huyện U Minh	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
5	Kênh Láng Trâm			
	Từ Thới Bình, Cà Mau đến ranh giới với tỉnh Bạc Liêu	Huyện Thới Bình	Ranh giới với tỉnh Bạc Liêu	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
6	Kênh Chắc Băng			
7	Kênh Biện Nhị			- Nguồn cấp cho thủy sản mặn - Giao thông thủy
8	Kênh xáng Minh Hà			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
9	Sông Thanh Tùng			Giao thông thủy
10	Sông Biện Nhạn			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
11	Sông Ấp Hạt			Giao thông thủy
12	Sông Cây Trang			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
13	Sông Trảng Tràm			Giao thông thủy
14	Sông Đầm Dơi			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
15	Sông Mương Điều			Giao thông thủy
16	Sông Ngã Cái - Lung Lá			Nguồn cấp cho thủy sản mặn
17	Sông Cái Ngay - kênh Ông Đơn			Giao thông thủy
18	Sông Mỹ Bình			Nguồn cấp cho thủy sản mặn

Phụ lục XXI

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
A	**DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	
I	**GIAO THÔNG**	
1	**Các dự án giao thông đường bộ**	
1.1	Quốc lộ 1	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.2	Đường Hồ Chí Minh	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.3	Quốc lộ 63	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.4	Đường tỉnh ĐT.984B (Võ Văn Kiệt, Vành đai 2)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.5	Đường tỉnh ĐT.984 (T13 - U Minh - Khánh Hội)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.6	Đường tỉnh ĐT.985B (Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.7	Đường tỉnh ĐT.986 (Đầm Dơi - Cái Nước)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.8	Đường tỉnh ĐT.983 (Trí Phải - Thới Bình)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.9	Đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.10	Đường tỉnh ĐT.983C (đường Vành đai 3)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.11	Đường tỉnh ĐT.986B (ĐH. Rạch Chèo)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.12	Đường tỉnh ĐT.987 (Đê Tây sông Bảy Háp)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.13	Đường tỉnh ĐT.985	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.14	Đường tỉnh ĐT.983D	Các huyện và thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
1.15	Đường tỉnh ĐT.984C (ĐT.984C)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.16	Đường tỉnh ĐT.983B (Cà Mau - Thới Bình - U Minh)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.17	Đường tỉnh ĐT.985F (Công Đá - Kênh Tư - Giáp Nước)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.18	Đường tỉnh ĐT.990 (Đầm Dơi - Năm Căn)	Các huyện và thành phố Cà Mau
1.19	Tuyến đường cao tốc từ thành phố Cà Mau đến Đất Mũi (triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)	Các huyện và thành phố Cà Mau
2	**Các dự án giao thông đường thủy**	
2.1	Nâng cấp tuyến đường thủy Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau (đoạn Cần Thơ - Cà Mau đến Năm Căn)	Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023)
2.2	Nâng cấp tuyến vận tải thủy Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau	Tỉnh Kiên Giang - Cà Mau (Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023)
2.3	Sông Ông Đốc	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.4	Sông Gành Hào	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.5	Kênh Bạc Liêu - Cà Mau	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.6	Kênh Lương Thế Trân	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.7	Kênh Tắc Năm Căn	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.8	Sông Bảy Háp	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.9	Sông Trèm Trẹm	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.10	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Các huyện và thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
2.11	Sông Cái Tàu - Biện Nhị	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.12	Kênh Thị Kẹo - Cái Đôi Vàm	Các huyện và thành phố Cà Mau
2.13	Sông Rạch Gốc	Các huyện và thành phố Cà Mau
3	**Các dự án giao thông khác**	
	Cảng hàng không Cà Mau	Thành phố Cà Mau
II	**THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**	
1	Tuyến đê biển Đông tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn, huyện Ngọc Hiển
2	Tuyến đê biển Tây từ Sông Đốc đến Cái Đôi Vàm	Huyện Trần Văn Thời, huyện Phú Tân
3	Dự án đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh 5 và kè phòng chống sạt lở biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Đốc đến cửa Bảy Háp	Huyện Phú Tân, Huyện Trần Văn Thời
4	Tuyến đê Sông Bảy Háp	Huyện Cái Nước, huyện Phú Tân
5	Quản lý bảo vệ vùng ven biển Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
6	Tiếp tục triển khai Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển	Địa bàn tỉnh Cà Mau
7	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau" thuộc dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"	Huyện U Minh
8	Các kè phòng, chống sạt lở bờ biển	Các huyện ven biển
8.1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở đoạn từ cửa biển Kiến Vàng đến cửa biển Vàm Lũng	Huyện Ngọc Hiển
8.2	Dự án đầu tư xây dựng kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây (giai đoạn 2)	Huyện Phú Tân, huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh
8.3	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển
8.4	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Tây	Tỉnh Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
8.5	Dự án xây dựng kè tạo bãi khôi phục rừng phòng hộ bờ biển Đông	Huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn và huyện Ngọc Hiển
8.6	Kè phòng, chống sạt lở bờ biển (kè giảm sóng) biển Tây đoạn từ Khánh Hội đến Cái Cám	Tỉnh Cà Mau
8.7	Đoạn sạt lở bờ biển Đông từ cửa biển Kênh Năm Ô Rô đến cửa biển Vàm Xoáy	Huyện Ngọc Hiển
8.8	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển từ Hốc Năng đến Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
8.9	Các đoạn kè xử lý sạt lở bờ biển khu vực cửa Vàm Xoáy, Hố Gùi và đoạn Hố Gùi hướng về Bồ Đề	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển
8.10	Các đoạn kè khu vực cửa biển tại ấp Lưu Hoa Thanh; khu vực cửa sông, ven biển Vàm Xoáy	Huyện Đầm Dơi, huyện Ngọc Hiển
9	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở khu vực chợ Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi
10	Xây dựng các cống trên tuyến đê từ Kênh 5 - Cái Đôi Vàm (Cái Đôi Nhỏ, Rạch Dơi, Trời Đánh, Gò Công, Sáu Hậu, Ngã Tư, Rạch Mới, Kênh 90, Rạch Chèo)	Huyện Phú Tân
11	Xây dựng Cống Trưởng Đạo, Khai Hoang	Huyện Đầm Dơi
12	Xây dựng Cống Giáo Hổ	Huyện Cái Nước
13	Xây dựng Cống Gành Hào	Huyện Đầm Dơi
14	Xây dựng Cống Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
15	Xây dựng hệ thống trạm bơm tiểu vùng II, III - Bắc Cà Mau (Xây dựng 03 trạm bơm: trạm bơm Kênh T29, trạm bơm Kênh Đá Bạc, trạm bơm Kênh Rạch Lùm) và 17 trạm bơm thuộc các xã Khánh Bình Đông, Trần Hợi, Khánh Hưng, Khánh Hải)	Huyện Trần Văn Thời
16	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, IV, V - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh, huyện Trần Văn Thời
17	Cụm công trình Tắc Thủ và các công trình thủy lợi ven biển Tây	Huyện Thới Bình, thành phố Cà Mau
18	Xây dựng hồ chứa nước ngọt	Huyện U Minh
19	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XIV - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước
20	Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau (giai đoạn 2)	Thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
21	Xây dựng các hạng mục công trình khép kín tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	Huyện U Minh
22	Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XII - Nam Cà Mau	Huyện Cái Nước
23	Duy tu sửa chữa bờ bao và nạo vét kênh mương (giai đoạn 1)	Các huyện và thành phố Cà Mau
24	Xây dựng hệ thống chuyển nước ngọt cho bán đảo Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
25	Cụm các công trình chuyển nước Bắc Cà Mau	Huyện Thới Bình và huyện U Minh
26	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Khánh Hội	Huyện U Minh
27	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Ông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
28	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cái Đôi Vàm	Huyện Phú Tân
29	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển
30	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bồ Đề	Huyện Năm Căn
31	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Hòn Khoai	Huyện Ngọc Hiển
32	Dự án đầu tư xây dựng Cảng cá Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
33	Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng bến cá Hố Gùi, xã Nguyễn Huân	Huyện Đầm Dơi
III	**CÔNG NGHIỆP**	
	Các dự án đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Các huyện, thành phố Cà Mau
IV	**VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO**	
1	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh (hoặc Nhà hát Hương Tràm)	Thành phố Cà Mau
3	Nâng cấp Thư viện tỉnh	Thành phố Cà Mau
4	Nhà thi đấu đa năng	Thành phố Cà Mau
5	Khu huấn luyện và đào tạo	Thành phố Cà Mau
6	Đảo Hòn Khoai gồm: Khu vực Hải Đăng, Bãi lớn, Bãi nhỏ	Huyện Ngọc Hiển
V	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ AN SINH XÃ HỘI**	
1	Trường Trung cấp nghề	Thành phố Cà Mau
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	Huyện Năm Căn, huyện Trần Văn Thời

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
3	Trường Cao đẳng nghề	Thành phố Cà Mau
4	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau
5	Cụm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
6	Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	Thành phố Cà Mau
7	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	Thành phố Cà Mau
8	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	Thành phố Cà Mau
9	THPT Nguyễn Văn Nguyễn	Huyện Thới Bình
10	THPT Thới Bình	Huyện Thới Bình
11	THPT Khánh Hưng	Huyện Trần Văn Thời
12	THCS&THPT Nguyễn Huân	Huyện Đầm Dơi
13	THPT Thái Thanh Hòa	Huyện Đầm Dơi
14	THPT Phú Hưng	Huyện Cái Nước
15	THPT Hồ Thị Kỷ	Thành phố Cà Mau
16	THPT Nguyễn Việt Khái	Thành phố Cà Mau
VI	**Y TẾ**	
1	Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2	Bệnh viện Mắt và Da liễu	Thành phố Cà Mau
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Thành phố Cà Mau
4	Trung tâm Giám định y khoa	Thành phố Cà Mau
5	Trung tâm Pháp y	Thành phố Cà Mau
6	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm	Thành phố Cà Mau
7	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Cà Mau
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Cà Mau
9	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Cà Mau
10	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	Thành phố Cà Mau
11	Bệnh viện Quân dân y	Thành phố Cà Mau
12	Bệnh viện Công an	Thành phố Cà Mau
13	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	Thành phố Cà Mau
14	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
15	Bệnh viện Đa khoa huyện Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
17	Bênh viện Đa khoa huyện Cái Nước	Huyện Cái Nước
18	Bệnh viện Đa khoa huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
VII	**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	
1	Nghĩa trang vùng tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh
2	Đài hỏa táng cấp vùng tỉnh	Huyện Năm Căn
3	Điều tra, đánh giá, xác định vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Các huyện, thành phố Cà Mau
4	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Cà Mau	Các huyện, thành phố Cà Mau
5	Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học và thành lập các khu bảo tồn, vùng đất ngập nước quan trọng đã được quy hoạch trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ 2021 - 2030	Khu vực dự kiến thành lập
6	Khu xử lý rác cấp tỉnh tại xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
7	Đài hỏa táng cấp vùng tỉnh tại Lâm Hải, huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
8	Đài hỏa táng cấp vùng huyện tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
9	Nhà tang lễ tại huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
10	Nhà tang lễ tại huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
VIII	**PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**	
1	Trụ sở các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực	Huyện Năm Căn, Huyện Trần Văn Thời và thành phố Cà Mau
B	**DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	
I	**GIAO THÔNG**	
1	**Các công trình giao thông cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh: Cảng biển, cảng hàng hóa thủy nội địa, cảng hành khách, cảng hàng không, cảng cạn**	
	Cảng biển	
1.1	Bến cảng Hòn Khoai	Đảo Hòn Khoai
1.2	Khu bến Năm Căn (trong Khu kinh tế Năm Căn)	Huyện Năm Căn
1.3	Khu bến Ông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
1.4	Bến cảng ngoài khơi cửa sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
1.5	Bến cảng LNG và kho nổi tại khu vực biển Tây	Tỉnh Cà Mau
	Cảng hàng hóa thủy nội địa	
1.6	Cảng Cà Mau (Bến xếp dỡ Cà Mau)	Thành phố Cà Mau
1.7	Cảng sông Gành Hào	Huyện Đầm Dơi
1.8	Cảng Tân Thành	Thành phố Cà Mau
1.9	Cảng sông Ông Đốc (gồm cảng Tấn Phát)	Huyện Trần Văn Thời

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
1.10	Cảng Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
1.11	Cảng Hòn Chuối	Huyện Trần Văn Thời
1.12	Cảng Dịch Vụ Khánh An (Khí - điện - đạm Cà Mau)	Huyện U Minh
1.13	Cảng kho xăng dầu Tắc Vân	Thành phố Cà Mau
1.14	Các cảng khác	Các huyện và thành phố
	Cụm cảng khách Cà Mau	
1.15	Cảng khách Cà Mau	Thành phố Cà Mau
1.16	Cảng khách Ông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
1.17	Các cảng khác	Các huyện và thành phố
	Cảng cạn	
1.18	Cảng cạn	Tỉnh Cà Mau
2	**Công trình giao thông cấp tỉnh: Cảng khách, bến xe, trạm dừng nghỉ**	
	Cảng hành khách	
2.1	Cảng khách Năm Căn	Huyện Năm Căn
2.2	Cảng khách Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
2.3	Cảng khách Hòn Khoai	Huyện Ngọc Hiển
2.4	Cảng khách Hòn Chuối	Huyện Trần Văn Thời
2.5	Cảng hành khách khác	Các huyện và thành phố
	Bến xe	
2.6	Bến xe khách Cà Mau - Kiên Giang	Thành phố Cà Mau
2.7	Bến xe khách Quản Lộ - Phụng Hiệp	Thành phố Cà Mau
2.8	Bến xe khách Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2.9	Bến xe khách Thới Bình	Huyện Thới Bình
2.10	Bến xe khách Khánh Hội	Huyện U Minh
2.11	Bến xe khách Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
2.12	Bến xe khách Cái Nước	Huyện Cái Nước
2.13	Bến xe khách Cái Đôi Vàm	Huyện Phú Tân
2.14	Bến xe khách Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi
2.15	Bến xe - tàu khách Năm Căn	Huyện Năm Căn
2.16	Bến xe khách Ngọc Hiển	Huyện Ngọc Hiển
2.17	Bến xe khách Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
2.18	Các bến xe khách khác	Các huyện, thành phố

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
	Trạm dừng nghỉ	
2.19	Trạm dừng nghỉ phía Bắc thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2.20	Trạm dừng nghỉ Năm Căn	Huyện Năm Căn
2.21	Trạm dừng nghỉ Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển
2.22	Trạm dừng nghỉ Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển
3	**Các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão**	**Tỉnh Cà Mau**
II	**NĂNG LƯỢNG**	
1	Các Nhà máy điện đốt rác	Các huyện, thành phố
2	Các Nhà máy điện gió	Trên địa bàn các huyện ven biển
3	Các nhà máy điện sinh khối	Các huyện, thành phố
4	Các dự án sản xuất Hydro từ năng lượng tái tạo + cảng xuất	Trên địa bàn các huyện ven biển
5	Các dự án năng lượng tái tạo không nối lưới, để xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển
6	Trạm 500kV gom công suất năng lượng tái tạo lên đường dây truyền tải về trạm chuyển đổi xuất khẩu điện	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn
7	Đường dây 500kV gom công suất năng lượng tái đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển
8	Đường dây 220kV gom công suất năng lượng tái đến trạm chuyển đổi xuất khẩu điện (không nối lưới)	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển
9	Trạm chuyển đổi AC/DC xuất khẩu điện	Huyện Ngọc Hiển
10	Đường dây truyền tải DC/AC xuất khẩu điện	Khu vực biển Đông, Tây tỉnh Cà Mau
III	**THỦY LỢI, CẤP NƯỚC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**	
1	Cảng cá Tân Thuận (kết hợp khu neo đậu trú bão)	Khu cửa biển Gành Hào, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi
2	Xây dựng mới công trình cấp nước nông thôn	Các huyện
3	Xây dựng mới công trình kè phòng chống sạt lở bờ biển	Các huyện ven biển
IV	**HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ**	
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp	Các huyện: U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước, Năm Căn, Đầm Dơi

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
2	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp	Các huyện và thành phố Cà Mau
V	**CÔNG NGHIỆP**	
1	Các nhà máy chế biến thủy sản công nghệ cao	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
2	Nhà máy đạm	-
VI	**DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI**	
1	Kho xăng dầu	-
2	Kho khí đốt	-
3	Dự án khu thương mại, dịch vụ (vị trí tại Khu đất thu hồi của Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần)	Thành phố Cà Mau
4	Dự án khu thương mại, dịch vụ (vị trí tại trường trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cũ)	Thành phố Cà Mau
5	Dự án đầu tư xây dựng chợ (vị trí tại Khu đất quy hoạch Chợ nổi Phường 7)	Thành phố Cà Mau
VII	**NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**	
1	Dự án nuôi tôm công nghệ cao	Thành phố Cà Mau
2	Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi heo, gia cầm tập trung, công nghiệp, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao	Huyện U Minh, Trần Văn Thời, Đầm Dơi
3	Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp	Huyện U Minh, Trần Văn Thời, Đầm Dơi, Thới Bình, Cái Nước
4	Dự án nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao	Huyện Đầm Dơi
5	Dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản công nghệ cao	Huyện Đầm Dơi
6	Xây dựng vùng nguyên liệu nuôi tôm càng xanh toàn đực theo tiêu chuẩn VietGAP	Huyện Thới Bình
7	Dự án xây dựng vùng nuôi tôm theo quy trình hữu cơ trên địa bàn huyện Thới Bình	Huyện Thới Bình
8	Dự án xây dựng vùng chuyên canh sản xuất lúa thơm hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm	Huyện Thới Bình
9	Vùng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao Khánh Lâm, U Minh	Huyện U Minh
10	Vùng sản xuất lúa hữu cơ	Huyện Thới Bình
11	Vùng nuôi tôm sinh thái xã Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
12	Vùng nuôi tôm sinh thái xã Tam Giang Tây	Huyện Ngọc Hiển
13	Vùng nuôi tôm sinh thái xã Tân Ân Tây	Huyện Ngọc Hiển
VIII	**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	
1	Nhà máy xử lý rác thải	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
2	Nhà máy xử lý nước mặn thành nước ngọt	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
3	Khu xử lý, chế biến rác tập trung	Huyện Trần Văn Thời
4	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước sạch Khánh Hội	Huyện U Minh
5	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn	Huyện U Minh
IX	**VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	
1	Sân golf	Thành phố Cà Mau
2	Sân golf (thuộc dự án trọng điểm du lịch quốc gia)	Huyện Ngọc Hiển
3	Sân golf (khu vực Đầm Thị Tường)	Huyện Cái Nước, huyện Phú Tân, huyện Trần Văn Thời
4	Dự án dịch vụ, thể dục thể thao tại lô A2 - Khu liên hợp Thể dục - Thể thao tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau
5	Khu thể thao dưới nước	Thành phố Cà Mau
6	Trung tâm văn hóa và liên hợp thể dục thể thao	Huyện U Minh
7	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đầm Thị Tường	Huyện Trần Văn Thời
8	Dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh Hạ	Huyện U Minh và huyện Trần Văn Thời
9	Dự án phát triển du lịch kết hợp khai thác hồ nước ngọt U Minh	Huyện U Minh
10	Đầu tư xây dựng Điểm du lịch Khu di tích Bác Ba Phi	Huyện Trần Văn Thời
11	Khu du lịch sinh thái Sông Trẹm	Huyện U Minh
12	Điểm du lịch sinh thái cụm đảo Hòn Khoai	Huyện Ngọc Hiển
X	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	
1	Các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung học phổ thông (trung học phổ thông liên cấp trung học cơ sở) tư thục	Trên địa bàn các huyện và thành phố Cà Mau
2	Trường cao đẳng	Thành phố Cà Mau
XI	**Y TẾ**	
1	Khu an dưỡng	Thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
2	Dự án đầu tư xây dựng và cung cấp trang thiết bị Bệnh viện đa khoa tư nhân thị trấn Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời
3	Bệnh viện đa khoa tư nhân kỹ thuật cao	Thành phố Cà Mau
XII	**KHU DÂN CƯ, ĐÔ THỊ**	
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội xã Khánh An, huyện U Minh	Huyện U Minh
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ	Thành phố Cà Mau
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở mở rộng Khu dân cư - Tái định cư Sông cũ (Khu A), phường Tân Xuyên	Thành phố Cà Mau
4	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A - Khu B	Thành phố Cà Mau
5	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thu nhập thấp Khóm 1, Tân Xuyên, thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu dịch vụ, thương mại và dân cư xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước	Huyện Cái Nước
7	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị mới ấp Bào Sơn, xã Lý Văn Lâm	Thành phố Cà Mau
8	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư - dịch vụ thương mại thị trấn Thới Bình	Huyện Thới Bình
9	Dự án Khu đô thị mới Năm Căn, huyện Năm Căn	Huyện Năm Căn
10	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư kênh xáng bờ Tây sông Cái Tàu	Huyện U Minh
11	Khu dân cư (khu B) Làng cá Khánh Hội, huyện U Minh	Huyện U Minh
12	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư - dịch vụ thương mại Phường 1	Thành phố Cà Mau
13	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị khóm 1, phường Tân Xuyên (giai đoạn 1)	Thành phố Cà Mau
14	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Phường 4 và Phường 9, thành phố Cà Mau	Thành phố Cà Mau
15	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thu nhập thấp và Viện dưỡng lão	Thành phố Cà Mau
XIII	**LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	
1	Trung tâm phân tích, kiểm nghiệm tỉnh Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2	Trung tâm Kỹ thuật, Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng	Thành phố Cà Mau

TT	Tên công trình/Dự án	Địa điểm dự kiến
3	Khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước ngọt	Huyện U Minh
4	Khu nghiên cứu tiếp nhận, thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thủy sản nước lợ và nước mặn	Huyện Ngọc Hiển
XIV	**LĨNH VỰC KHÁC**	Huyện Ngọc Hiển
1	Đầu tư xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
XV	Đối với các dự án chưa có trong danh mục ưu tiên mời gọi đầu tư hoặc các dự án ưu tiên mời gọi các năm tiếp theo, trong trường hợp được các cơ quan trung ương quy hoạch hoặc các dự án do nhà đầu tư đề xuất phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sẽ được xem xét, bổ sung vào Kế hoạch triển khai thực hiện trong từng giai đoạn cụ thể.	

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXII

DANH MỤC VÀ TỶ LỆ SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	TỶ LỆ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Sơ đồ, bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Sơ đồ phương án xây dựng vùng huyện tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
9	Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch	1:100.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng